

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**NGUYỄN THỊ HỒNG**

**HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG ĐANG HƯỞNG  
TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

**HÀ NỘI 2015**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**NGUYỄN THỊ HỒNG**

**HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG ĐANG HƯỞNG  
TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

Chuyên ngành: Quản Trị nhân lực

Mã số:6340404

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS MAI QUỐC CHÁNH

HÀ NỘI 2015

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn với đề tài “*Hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*” là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

**Tác giả**

**Nguyễn Thị Hồng**

## MỤC LỤC

<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....</b>	<b>iv</b>
<b>DANH MỤC BẢNG BIỂU- SƠ ĐỒ .....</b>	<b>v</b>
<b>MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP .....</b>	<b>7</b>
<b>1.1. Khái niệm cơ bản.....</b>	<b>7</b>
1.1.1. Khái niệm việc làm.....	7
1.1.2. Giải quyết việc làm.....	12
1.1.3. Thất nghiệp, trợ cấp thất nghiệp .....	13
1.1.4 Hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp .....	22
<b>1.2. Nội dung của hỗ trợ giải quyết việc làm cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp. ....</b>	<b>23</b>
1.2.1 Xác định nhu cầu hỗ trợ GQVL của lao động đang hưởng TCTN .....	23
1.2.2. Các hoạt động cơ bản hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN.....	24
1.2.3. Đánh giá kết quả của việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN .....	27
<b>1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp .....</b>	<b>28</b>
1.3.1 Nhân tố về cơ chế chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động thất nghiệp.....	28
1.3.2. Nhân tố về cơ quan thực hiện hỗ trợ giải quyết việc làm .....	29
1.3.3. Nhân tố về thị trường lao động .....	30
1.3.4. Nhân tố về bản thân người lao động .....	31

<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH .....</b>	<b>33</b>
<b>2.1. Khái quát tỉnh Quảng Ninh và Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Ninh.....</b>	<b>33</b>
2.1.1. Khái quát về tỉnh Quảng Ninh .....	33
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Trung tâm DVVL .....	34
<b>2.2. Thực trạng thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh .....</b>	<b>40</b>
2.2.1 Tình hình lao động thất nghiệp và số LĐTN được hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh .....	40
2.2.2. Nguyên nhân của số lao động thất nghiệp.....	44
<b>2.3. Phân tích thực trạng hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh .....</b>	<b>46</b>
2.3.1. Xác định nhu cầu HTGQVL của lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh .....	46
2.3.2. Các hoạt động cơ bản hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN.....	47
<b>2.4. Nhân tố tác động tới công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.....</b>	<b>57</b>
2.4.1. Nhân tố thuộc về cơ chế chính sách HTGQVL cho lao động thất nghiệp .....	57
2.4.2. Nhân tố thuộc về cơ quan thực hiện HTGQVL cho người lao động đang hưởng TCTN.....	58
2.4.3. Nhân tố thuộc về thị trường lao động.....	59
2.4.4. Nhân tố thuộc về người lao động đang hưởng TCTN .....	60
<b>2.5. Đánh giá công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh .....</b>	<b>61</b>

2.5.1 Kết quả đạt được của công tác HTGQVL cho lao động đang hưởng TCTN.....	61
2.5.2. Tồn tại và nguyên nhân của công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN.....	63
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH .....</b>	<b>69</b>
<b>3.1. Dự báo lao động thất nghiệp của toàn tỉnh đến năm 2020 .....</b>	<b>69</b>
<b>3.2. Xác định mục tiêu hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 .....</b>	<b>70</b>
<b>3.3. Hoàn thiện xác định nhu cầu hỗ trợ GQVL của lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh. ....</b>	<b>71</b>
<b>3.4. Hoàn thiện một số giải pháp hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng ninh. ....</b>	<b>72</b>
3.4.1. Đối với hệ thống chính sách .....	72
3.4.2. Đối với các hoạt động cơ bản của công tác hỗ trợ giải quyết việc làm	73
<b>KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....</b>	<b>89</b>
<b>1. KẾT LUẬN.....</b>	<b>89</b>
<b>2. KHUYẾN NGHỊ.....</b>	<b>90</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>92</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>94</b>

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>TỪ VIẾT TẮT</b>	<b>NỘI DUNG ĐẦY ĐỦ</b>
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BLĐTB & XH	Bộ lao động thương binh và xã hội
LĐTN	Lao động thất nghiệp
GDVL	Giao dịch việc làm
GQVL	Giải quyết việc làm
HTGQVL	Hỗ trợ giải quyết việc làm
TTDVVL	Trung tâm dịch vụ việc làm
UBND	Ủy ban nhân dân
TCTN	Trợ cấp thất nghiệp
TVGTVL	Tư vấn giới thiệu việc làm

## DANH MỤC BẢNG BIỂU- SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của TTGTVL tỉnh Quảng Ninh.	36
Bảng 2.1. Kết quả hoạt động của TTGTVL năm 2012-2014 .....	39
Bảng 2.2: Tình hình lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh....	41
Bảng 2.3. Tình hình lao động được hưởng TCTN theo trình độ.....	43
Bảng 2.4. Lao động thất nghiệp theo vị trí công việc.....	44
Bảng 2.5. Tình hình nhu cầu HTGQVL của lao động đang hưởng TCTN qua khảo sát. ....	47
Bảng 2.6. Tình hình thực hiện TV, GTVL cho lao động hưởng TCTN.....	49
Bảng 2.7. Tình hình TVGTVL cho lao động đang hưởng TCTN.....	50
Bảng 2.8. Tình hình tư vấn hỗ trợ học nghề cho lao động đang hưởng TCTN	51
Bảng 2.9. Tình hình lao động đang hưởng TCTN tham gia hỗ trợ học nghề.	52
Bảng 2.10. Tình hình lao động được hỗ trợ học nghề .....	52
Bảng 2.11. Tình hình lao động biết đến sàn GDVL để tìm kiếm việc làm ....	53
Bảng 2.12. Tình hình doanh nghiệp tham gia tuyển dụng tại sàn GDVL .....	54
Bảng 2.13. Tình hình thông tin vị trí tuyển dụng lao động trên SGDVL.....	55
Bảng 2.14. Tình hình lao động thất nghiệp tham gia tìm kiếm việc làm tại sàn GDVL .....	56
Bảng 2.15. Những vấn đề ảnh hưởng tới công tác hỗ trợ học nghề .....	67



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang diễn ra trên toàn thế giới, nó đang làm cho nền kinh tế trên thế giới bị suy giảm, các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và các loại hình dịch vụ đang bị suy giảm mạnh. Việt nam không nằm ngoài tác động đó. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động mạnh đến nền kinh tế Việt nam, nền kinh tế phát triển chậm, các ngành công, nông ngư nghiệp, dịch vụ chậm lại, hàng loạt các nhà máy phân xưởng đóng cửa, giải thể, hoặc thu hẹp sản xuất dẫn đến một số lượng lớn lao động bị thất nghiệp ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế của người lao động nói riêng và đời sống kinh tế - chính trị của đất nước nói chung. Cùng với sự hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi lao động có trình độ chuyên môn, đủ năng lực làm việc trong môi trường toàn cầu hoá là rất thấp, đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng kịp với xu hướng toàn cầu hoá, dẫn đến lao động từ trình độ phổ thông cho đến lao động có trình độ chuyên môn đều thất nghiệp khó tìm kiếm được việc làm.

Quảng Ninh cũng là một trong những tỉnh có tỷ lệ lao động bị mất việc làm rất lớn. Để thực hiện chính sách an sinh xã hội, nhà nước đã có những chính sách hỗ trợ lao động thất nghiệp để họ có cơ hội tìm kiếm việc làm và có thể quay trở lại thị trường lao động, nó được thể hiện bằng hàng loạt các chế độ của chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

Đây là chính sách nhằm giúp lao động thất nghiệp trong thời gian thất nghiệp có kinh phí ổn định cuộc sống sau khi mất việc và có cơ hội tìm kiếm việc làm, bên cạnh đó chế độ bảo hiểm thất nghiệp còn có các chế độ hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm như: tư vấn miễn phí và giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề, cho người lao động giúp cho người lao động sớm tìm được việc làm ổn định đời sống cho bản thân và gia đình họ.

Mặc dù các chính sách đưa ra để hỗ trợ một phần tổn thất thu nhập cho người lao động, nhưng trên thực tế một số nội dung của chính sách này hoạt động chưa có hiệu quả, nguồn lực nhà nước hỗ trợ thì nhiều nhưng để đến được với người lao động thì còn gặp nhiều khó khăn, hoặc bản thân người lao động cũng chưa quan tâm tới một số chính sách hỗ trợ này là do: các lớp tổ chức học nghề không phong phú đa dạng, các ngành nghề không thu hút được lao động tham gia, khi học viên học xong lại không có cơ hội tìm kiếm việc làm. Chính vì thế chính sách Bảo hiểm Thất Nghiệp mang mục đích hỗ trợ nhưng hiệu quả mang lại còn rất thấp. Lao động thất nghiệp ngày càng nhiều, người lao động lại ít có cơ hội quay trở lại thị trường lao động, điều đó cho thấy việc nghiên cứu, các giải pháp hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp là một yêu cầu cấp thiết hiện nay. Chính vì vậy đề tài "***Hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh***" được nghiên cứu góp phần tạo ra các cơ hội việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện nay là rất cần thiết.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận văn**

Năm 2009 chính sách Bảo hiểm thất nghiệp đi vào cuộc sống của người lao động, có thể nói bước đầu nội dung của chính sách đã đáp ứng được những mục tiêu cơ bản của chính sách đề ra, đối tượng tham gia và đối tượng thụ hưởng ngày càng đông. Tuy nhiên sau 5 năm thực hiện chính sách và cơ chế vận hành đã bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc về đối tượng tham gia và chế độ trợ cấp Bảo hiểm thất nghiệp. Việc giải quyết chính sách chưa sát với thực tế, cùng với việc chi trả trợ cấp thất nghiệp cho người lao động, thì việc hỗ trợ giải quyết việc làm cho đối tượng lao động này như: Tư vấn giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề sau 5 năm thực hiện thì NLĐ khi mất việc làm mới chỉ quan tâm đến việc nhận trợ cấp mà chưa thực sự quan tâm đến chính

sách hỗ trợ học nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm mới và kết nối cung cầu lao động, cho nên hiệu quả công tác hỗ trợ giải quyết việc làm chưa đạt hiệu quả. Từ ngày 01/01/2010 đến hết năm 2014, các Trung tâm dịch vụ việc làm trên cả nước đã tiếp nhận được 2.010.642 lượt người đăng ký thất nghiệp, trong đó có 1.836.686 người được hưởng trợ cấp thất nghiệp số người hưởng trợ cấp thất nghiệp được tư vấn, giới thiệu việc làm trong năm 2013 với 397.338 lượt người, năm 2014 với 457.273 lượt người, số người thất nghiệp có nhu cầu học nghề và được hỗ trợ học nghề năm 2013 có 10.610 người.

Theo thống kê của BHXH Việt Nam cho thấy kinh phí chi trả cho chính sách BHTN chủ yếu là trả trợ cấp thất nghiệp. Số kinh phí chi cho hỗ trợ học nghề của người lao động chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong việc hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp. Đây cũng là tình trạng chung của nhiều địa phương, nguyên nhân chủ yếu là mức hỗ trợ học nghề theo quy định thấp.

Chính sách BHTN sau 5 năm thực hiện mới chỉ chú trọng đến công tác giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động. Mục đích của chính sách là nhằm đưa người lao động quay trở lại thị trường lao động cho đến thời điểm hiện nay rất yếu kém gần như bị nhường chỗ cho công tác chi trả trợ cấp thất nghiệp cho người lao động.

Những năm qua ở Việt Nam đã có nhiều người quan tâm nghiên cứu về chính sách BHTN theo các nội dung khác nhau, trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển đổi, và thị trường lao động đang được hình thành nên chưa có các công trình nghiên cứu mà chủ yếu là những bài báo khoa học viết về thất nghiệp, xây dựng chính sách bảo hiểm thất nghiệp hoặc liên quan đến vấn đề này dưới góc độ lý luận và kinh nghiệm của các nước trên thế giới. Trong đó có một số nghiên cứu tiêu biểu " *Cơ chế tạo nguồn và tổ chức thực hiện bảo hiểm thất nghiệp* " ( thực hiện năm 2003) Về chính sách lao động và Việc

làm, Bộ LĐTB&XH; "*Mối quan hệ giữa chế độ bảo hiểm thất nghiệp với chế độ Bảo hiểm xã hội và giải quyết việc làm*"; Tạp chí Bảo hiểm xã hội, 11/2005, tr 27-29, của TS Lê Thị Hoài Thu Bộ môn Luật Kinh doanh, Khoa Luật – ĐHQGHN; "*Tổ chức Bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam*" của PGS TS Nguyễn Văn Định, trường Đại học Kinh tế Quốc Dân năm 2008

Các bài viết, cũng như công trình nghiên cứu mới chỉ đề cập đến vấn đề giải quyết chế độ cũng như cơ chế hoạt động của BHTN. Đối với vấn đề hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp chưa thấy có công trình cũng như bài viết nào nghiên cứu về nội dung này.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn**

- Mục đích nghiên cứu: Đề xuất hệ thống hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ 2015 đến 2020

- Nhiệm vụ nghiên cứu:

+ Hệ thống hóa cơ sở lý luận về hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN

+ Phân tích thực trạng và các hoạt động HTGQVL cho người lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ 2010 đến 2014

+ Đề xuất giải pháp HTGQVL cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu:

*Không gian:* Trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

*Thời gian:* 2010 - 2014

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

### ***5.1. Phương pháp thống kê phân tích***

Phương pháp thống kê, phân tích tổng hợp được thực hiện với cách tiếp cận hệ thống dữ liệu thứ cấp bằng các tài liệu tham khảo, số liệu thông tin thực tế thu thập tại TTDVVL Quảng Ninh, Sở lao động thương binh và xã hội Quảng Ninh

### ***5.2. Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp***

*Phương pháp điều tra, khảo sát:* Thu thập thông tin qua bảng câu hỏi. Trong đó phát ra 150 phiếu điều tra, đối tượng hỏi là lao động đang hưởng TCTN (100 phiếu), lao động được hưởng TCTN đã hết thời gian hưởng TCTN (50 phiếu), trong 150 phiếu điều tra, ngoài những nội dung câu hỏi dành riêng cho các đối tượng lao động khác nhau thì trong đó tác giả có kết hợp nội dung câu hỏi của cả 2 bảng hỏi để tổng hợp thành các nội dung làm sáng tỏ những vấn đề còn chưa rõ và để biết thêm chi tiết các thông tin liên quan đến các vấn đề còn tồn tại và các nguyên nhân dẫn đến công tác hỗ trợ giải quyết việc làm chưa đạt hiệu quả cao, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp hơn nhằm đưa công tác hỗ trợ giải quyết việc làm đạt hiệu quả hơn.

*Phương pháp xử lý số liệu:* Thông qua số liệu thu thập được, tập hợp thống kê và tổng hợp mô tả thành các bảng số liệu, đồng thời sử dụng phương pháp so sánh, tiến hành so sánh các nội dung trong bảng hỏi với nhau theo tỷ lệ các câu trả lời, để từ đó đưa ra các ưu, nhược điểm trong việc thực hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

### ***5.3. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp***

Dữ liệu thứ cấp được thu thập thông qua các nguồn chính là:

*Nguồn bên trong:* Các báo cáo thực hiện chính sách BHTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm 2010- 2014, báo cáo tình hình biến động lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh .

*Nguồn bên ngoài:* Những tài liệu chuyên ngành tạo việc làm, giải quyết việc làm, hỗ trợ việc làm: tài liệu tham khảo, giáo trình, báo, tạp chí, tài liệu dự trữ, văn bản liên quan đến giải quyết việc làm cho lao động thất nghiệp, thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, một số website, công trình khoa học đã nghiên cứu và hoàn thiện trước đó...

#### **6. Đóng góp của luận văn**

- Dự kiến góp phần đưa ra các giải pháp hỗ trợ giải quyết việc làm và sử dụng hiệu quả nguồn lực của chính sách bảo hiểm thất nghiệp

#### **7. Kết cấu của luận văn**

Gồm 3 chương, mở đầu và kết luận

Chương I: Cơ sở lý luận về hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp .

Chương II : Thực trạng hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Chương III: Một số giải pháp hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP

### 1.1. Khái niệm cơ bản

#### 1.1.1. Khái niệm việc làm

Trong mỗi một nền kinh tế, việc làm luôn là vấn đề được các quốc gia quan tâm, việc làm nó có tác động tích cực cũng như tiêu cực tới đời sống của mỗi người dân lao động, việc làm tạo ra thu nhập cho người lao động nhưng thiếu việc làm lại cắt giảm thu nhập của người lao động, chính vì thế việc làm luôn là vấn đề được tất cả các quốc gia trên thế giới phải quan tâm và chú trọng tới. Giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, là một trong những biện pháp quan trọng để từng bước ổn định nâng cao đời sống của con người, đảm bảo phát triển bền vững đặc biệt đối với Việt Nam tốc độ tăng dân số, lực lượng lao động tăng nhanh, trong khi tốc độ tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm bị hạn chế do khả năng cung về vốn, tư liệu sản xuất còn thấp.

Đứng trên các góc độ nghiên cứu khác nhau, người ta đã đưa ra rất nhiều định nghĩa nhằm sáng tỏ khái niệm việc làm. Và ở các quốc gia khác nhau, do ảnh hưởng của nhiều yếu tố như điều kiện kinh tế, chính trị, luật pháp... người ta quan niệm về việc làm cũng khác nhau. Chính vì thế, không có một định nghĩa chung và khái quát nhất về việc làm.

Các nhà kinh tế học Anh cho rằng: “*Việc làm, theo nghĩa rộng, là toàn bộ các hoạt động kinh tế của một xã hội, nghĩa là tất cả những gì quan hệ đến cách kiếm sống của một con người, kể cả các quan hệ xã hội và các tiêu chuẩn hành vi tạo thành khuôn khổ, của quá trình kinh tế.*”. Theo quan điểm này thì tất cả những hoạt động tạo ra thu nhập mà không cần phân biệt có được pháp luật cho phép hay ngăn cấm, đều được gọi là việc làm. Quan điểm

này chỉ đặt nặng vấn đề kinh tế của việc làm, trong khi đó, tính pháp lý là một trong những nguyên tắc cơ bản để xác định việc làm thì chưa đề cập đến.

Các nhà kinh tế học của Liên Xô lại cho rằng “ *Việc làm là sự tham gia của người có khả năng lao động vào một hoạt động xã hội có ích trong khu vực xã hội hóa sản xuất, trong học tập, trong công việc nội trợ, trong kinh tế phụ của các nông trang viên*”. Quan điểm này đã coi cả công việc như đang đi học, đang tham gia các lực lượng vũ trang, làm các công việc nội trợ đều được coi là việc làm. Cũng như quan điểm của các nhà kinh tế học Anh, quan điểm này chủ yếu tập trung tính hữu ích của việc làm nói chung, coi các hoạt động hữu ích của con người là việc làm, song tính pháp lý của việc làm lại không đề cập đến.

Theo tổ chức Lao động quốc tế ( ILO), khái niệm việc làm chỉ đề cập đến trong mối quan hệ với lực lượng lao động, khi đó việc làm được phân thành hai loại: Có trả công ( những người làm thuê, học việc ) và không được trả công ( những người như giới chủ làm kinh tế gia đình). Do đó việc làm có thể được định nghĩa như một tình trạng trong đó có sự trả công bằng tiền hoặc hiện vật, do có sự tham gia tích cực có tính chất cá nhân và trực tiếp vào nỗ lực sản xuất. Khái niệm này đã được chính thức thông qua tại Hội nghị quốc tế của ILO lần thứ 13 (1993) và đã được nhiều nước trên thế giới áp dụng. Tuy nhiên khái niệm này mang nghĩa rất rộng bao trùm mọi hoạt động lao động của con người. Nếu xem tất cả các công việc được trả công (được nhận thù lao) là việc làm thì sẽ dẫn đến sự thừa nhận các hoạt động bất hợp pháp như (các hoạt động tội phạm buôn bán ma túy, khủng bố....) các hoạt động vi phạm đạo đức xã hội (mại dâm), truyền thống các dân tộc ... cũng xem là việc làm. Mặt khác, mỗi một quốc gia có một quan niệm khác nhau về việc làm để phù hợp với phong tục tập quán, quan điểm, điều kiện lịch sử của quốc gia mình, có những hoạt động được quốc gia này xem là việc làm nhưng nếu đặt



ở quốc gia khác thì bị cho là vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và an ninh quốc gia đó thì sẽ bị xem là phạm pháp, và không chỉ coi đó là việc làm. Do đó khái niệm trên chỉ mang tính khái quát là cơ sở nghiên cứu vấn đề chung, cho các nước trên thế giới.

Ở Việt Nam, theo quan niệm trong Đại từ điển kinh tế thị trường “việc làm là hành vi của nhân viên, có năng lực lao động, thông qua hình thức nhất định kết hợp với tư liệu sản xuất, để được thù lao hoặc thu nhập kinh doanh” {10, tr.1073}. Với quan niệm này, việc làm được coi là quá trình hoạt động sản xuất của cải vật chất, tinh thần cho xã hội. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta hiện nay, để phát huy tốt các nguồn lực xã hội, nhất là nguồn lực phục vụ sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với quan niệm trên có rất nhiều hoạt động lao động của con người không được xem là việc làm: ví dụ những hoạt động bảo đảm sự ổn định phát triển của xã hội, hỗ trợ cho những người thân tham gia trực tiếp sản xuất, kinh doanh... để có thu nhập ổn định không được tính đến

Theo tác giả Bùi Anh Tuấn cho rằng “*Việc làm có thể được hiểu là phạm trù để chỉ trạng thái phù hợp giữa sức lao động với tư liệu sản xuất hoặc những phương tiện để sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội*” {11, tr8} cũng như các quan điểm vừa nêu, quan niệm này xem việc làm là một chỗ làm việc cụ thể nào đó của quá trình lao động được diễn ra, nhằm phân biệt với tình trạng thất nghiệp hoặc không làm việc. Quan niệm này đã nêu lên các đặc trưng về việc làm như:

- + Là sự biểu hiện quan hệ của hai yếu tố là sức lao động kết hợp với tư liệu sản xuất, là trạng thái phù hợp giữa sức lao động và tư liệu sản xuất hoặc những phương tiện mà họ sử dụng để làm việc.

- + Lấy các lợi ích (vật chất và tinh thần) mà các hoạt động đem lại để

xem xét hoạt động đó có được coi là việc làm hay không.

Quan điểm của Nhà nước ta về việc làm được quy định trong *Điều 9, chương II (Việc làm) của Bộ Luật lao động nước CHXHCNVN quy định: ". Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm".*

Theo khái niệm trên, một hoạt động được coi là việc làm cần thỏa mãn 2 điều kiện:

*Một là*, hoạt động đó phải có ích và tạo ra thu nhập cho người lao động và cho các thành viên trong gia đình. Điều này chỉ rõ tính hữu ích và nhân mạnh tiêu thức tạo ra thu nhập của việc làm.

*Thứ hai*, hoạt động đó không bị pháp luật ngăn cấm. Điều này chỉ rõ tính pháp lý của việc làm.

Hai tiêu thức đó có quan hệ chặt chẽ với nhau và là điều kiện cần và đủ để một hoạt động lao động được thừa nhận là việc làm. Nếu một hoạt động tạo ra thu nhập nhưng vi phạm pháp luật như trộm cắp, buôn bán ma túy... thì không được thừa nhận là việc làm. Mặt khác một hoạt động dù là hợp pháp và có ích nhưng không tạo ra thu nhập cũng không được thừa nhận là việc làm.

Hạn chế của khái niệm trên:

*Thứ nhất:* Tính hợp pháp của một hoạt động lao động được thừa nhận là việc làm tùy thuộc vào luật pháp của mỗi quốc gia và mỗi thời kỳ.

*Thứ hai:* Hoạt động nội trợ không được coi là việc làm, trong khi đó hoạt động nội trợ tạo ra các lợi ích phi vật chất và gián tiếp tạo ra lợi ích vật chất không hề nhỏ.

\* Theo giáo trình kinh tế lao động của khoa kinh tế lao động và dân số trường đại học Kinh Tế quốc dân Hà Nội, khái niệm việc làm được hiểu "*là phạm trù để chỉ trạng thái phù hợp giữa sức lao động và những điều kiện cần thiết (vấn, tư liệu sản xuất, công nghệ...) để sử dụng sức lao động đó*{trang 48}

Trạng thái phù hợp được thể hiện thông qua quan hệ tỉ lệ giữa chi phí ban đầu (C) như nhà xưởng, máy móc thiết bị nguyên vật liệu và chi phí về sức lao động (V).

Quan hệ tỉ lệ biểu diễn sự kết hợp giữa sức lao động với trình độ công nghệ sản xuất. Khi công nghệ thay đổi thì sự kết hợp đó cũng thay đổi theo có thể công nghệ sử dụng nhiều vốn hoặc công nghệ sử dụng nhiều sức lao động, chẳng hạn trong điều kiện kỹ thuật thủ công một đơn vị chi phí ban đầu về tư liệu sản xuất, vốn có thể kết hợp với nhiều đơn vị sức lao động còn trong điều kiện tự động hóa sản xuất theo dây chuyền hiện đại thì chi phí về vốn công nghệ, thiết bị rất cao, nhưng chỉ đòi hỏi sức lao động với tỉ lệ thấp. Do đó tùy từng điều kiện cụ thể mà lựa chọn phương án phù hợp để có thể tạo việc làm cho người lao động

Trong điều kiện của tiến bộ khoa học kỹ thuật và sự áp dụng các thành tựu của khoa học công nghệ vào sản xuất mạnh mẽ như hiện nay, quan hệ tỉ lệ giữa C và V thường xuyên biến đổi theo các dạng khác nhau.

Sự phù hợp giữa chi phí ban đầu và sức lao động có nghĩa là mọi người có khả năng lao động, có nhu cầu làm việc để có việc làm, nếu chỉ xem xét trên phương diện sử dụng hết thời gian lao động có nghĩa là việc làm đầy đủ.

Trong trường hợp sự phù hợp của mối quan hệ này cho phép sử dụng triệt để tiềm năng về vốn tư liệu sản xuất và sức lao động ta có khái niệm việc làm hợp lý. Sự không phù hợp giữa chi phí ban đầu và sức lao động sẽ dẫn đến thiếu nguồn nhân lực tức thiếu việc làm và thất nghiệp.

Từ những phân tích ở trên, trong luận văn này tác giả đồng tình với khái niệm *việc làm là phạm trù để chỉ trạng thái phù hợp với sức lao động và những điều kiện cần thiết (vốn, tư liệu sản xuất, công nghệ..) để sử dụng sức lao động đó.*

### ***1.1.2. Giải quyết việc làm***

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001- 2010 được Đại hội đại biểu toàn quốc ĐCSVN lần IX xác định: “ *Giải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng chính đáng và yêu cầu bức xúc của nhân dân*“ Vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động là rất cần thiết, không những mang tầm quốc gia mà vượt ra bên ngoài khu vực và biên giới. Tùy thuộc vào cách tiếp cận và mục đích nghiên cứu khác nhau mà người ta đưa ra khái niệm về giải quyết việc làm.

Giải quyết việc làm không chỉ có nhiệm vụ chức năng của Nhà nước mà còn là trách nhiệm của xã hội, của các cơ quan doanh nghiệp và ngay bản thân người lao động. Hiện nay các chính sách của Nhà nước luôn quan tâm chú trọng đến tạo công ăn việc làm cho người lao động thông qua các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, chính sách hỗ trợ tới tận hộ gia đình, các cá nhân sẵn sàng làm việc. Chính vì vậy chính sách của nhà nước là một trong những tác động quan trọng rất mạnh mẽ đến việc làm của người lao động như khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng sản xuất như giảm thuế tiền sử dụng đất, thuê nhà xưởng, văn phòng hỗ trợ về cơ sở hạ tầng điện đường, trường trạm nhằm phục vụ cho các công trình sản xuất.

Chính sách nhà nước tác động toàn diện đến vấn đề giải quyết việc làm. Bên cạnh đó, các chương trình quốc gia, các chiến lược phát triển, các hoạt động cụ thể của các doanh nghiệp tác động trực tiếp đến giải quyết việc làm cho người lao động như đào tạo nguồn lao động, tuyển dụng, bố trí sắp xếp lao động phù hợp năng lực và yêu cầu

Như vậy có thể hiểu *Giải quyết việc làm là một quá trình tạo ra môi trường hình thành các chỗ làm việc và sắp xếp người lao động phù hợp với chỗ làm việc để có các việc làm chất lượng đảm bảo nhu cầu của cả người*

*lao động và người sử dụng lao động, đồng thời đáp ứng được mục tiêu phát triển đất nước*

Giải quyết việc làm cho người lao động là một trong những nội dung cơ bản của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được toàn thể giới cam kết trong tuyên bố về chương trình hành động toàn cầu tại thủ đô Copenhague Đan Mạch vào tháng 3/1995.

Chúng tôi quan niệm rằng, giải quyết việc làm cho người lao động là tổng thể các quá trình tạo ra điều kiện và môi trường bảo đảm cho mọi người có khả năng lao động có cơ hội làm việc với chất lượng việc làm và thu nhập ngày càng cao.

Như vậy, giải quyết việc làm là để khai thác triệt để tiềm năng của người lao động, nhằm đạt được việc làm hợp lý và việc làm có hiệu quả. Chính vì vậy, giải quyết việc làm phù hợp có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với người lao động ở chỗ tạo cơ hội cho họ thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình, trong đó có quyền cơ bản nhất là quyền được làm việc nhằm nuôi sống bản thân và gia đình, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

### ***1.1.3. Thất nghiệp, trợ cấp thất nghiệp***

#### ***1.1.3.1. Thất nghiệp***

Thất nghiệp là hiện tượng kinh tế - xã hội luôn tồn tại trong nền kinh tế thị trường ở hầu hết các quốc gia có chế độ chính trị, trình độ phát triển kinh tế - xã hội khác nhau. Trong nền kinh tế thị trường, việc làm của người lao động bị chi phối bởi quan hệ cung cầu trên thị trường lao động. Nếu cung lớn hơn cầu về lao động trên thị trường sẽ dẫn đến thất nghiệp. Chính sự mâu thuẫn giữa nhu cầu có việc làm và khả năng giải quyết việc làm là nguy cơ tiềm tàng dẫn đến thất nghiệp, nhất là đối với những nước có nền kinh tế đang phát triển. Chính vì vậy thất nghiệp đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu đối với các quốc gia đang phát triển, thất nghiệp tăng cao phản ánh nền kinh

tế của mỗi một nước đang bị khủng hoảng trầm trọng. Hàng hóa làm ra không tiêu thụ được, sản xuất bị đình trệ, dẫn đến lao động bị thiếu việc làm, lương và các chế độ phúc lợi xã hội bị cắt giảm. Thất nghiệp đang trở thành vấn đề quan trọng của các quốc gia đang phát triển vì thế mà có rất nhiều tổ chức cũng như các công trình nghiên cứu về thất nghiệp để họ có thể phát hiện ra các quy luật, cũng như các nguyên nhân gây ra thất nghiệp từ đó có biện pháp phòng chống cũng như giải quyết vấn đề này:

Tại hội nghị Thống kê Lao động Quốc tế lần thứ VIII năm 1954 tại Gionevơ đưa ra định nghĩa : Thất nghiệp là người đã qua một độ tuổi xác định mà trong một ngành hoặc một tuần xác định, thuộc những loại sau đây:

- Người lao động có thể đi làm nhưng hết hạn hợp đồng hoặc bị tạm ngừng hợp đồng, đang không có việc làm và đang tìm việc làm.

- Người lao động có thể đi làm trong một thời gian xác định và đang tìm việc làm có lương mà trước đó chưa hề có việc làm, hoặc vị trí hành nghề cuối cùng trước đó không phải là người làm công ăn lương (ví dụ người sử dụng lao động chẳng hạn) hoặc đã thôi việc.

- Người lao động không có việc làm và có thể đi làm ngay và đã có sự chuẩn bị cuối cùng để làm một công việc mới vào một ngày nhất định sau một thời kỳ đã được xác định.

- Người phải nghỉ việc tạm thời hoặc không thời hạn mà không có lương.

Ở Việt Nam, thất nghiệp là vấn đề mới nảy sinh trong thời kỳ chuyển đổi nền kinh tế cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường. Vì vậy, tuy chưa có văn bản pháp qui về thất nghiệp cũng như các vấn đề có liên quan đến thất nghiệp, nhưng cũng có nhiều công trình nghiên cứu nhất định.

Khái niệm thất nghiệp ở Việt Nam : *“Thất nghiệp là những người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, có nhu cầu việc làm, đang không có việc làm”*. Các định nghĩa trên tuy có khác nhau về mức độ, giới hạn (tuổi,

thời gian mất việc) nhưng đều thống nhất về đặc điểm của lao động thất nghiệp.

Tổ chức lao động quốc tế ( ILO) cho rằng: *“Người thất nghiệp đó là những người có thể và muốn làm việc, chủ động và tích cực đi tìm kiếm việc làm, nhưng không thể tổ chức được lao động vì không có chỗ làm việc trống hoặc là vì nghề nghiệp không phù hợp ,”*

Ở Mỹ, người thất nghiệp là người lao động có khả năng làm việc , mong muốn tìm được việc làm trong vòng 4 tuần đã qua, có đăng ký tìm việc làm ở các trung tâm dịch vụ việc làm hoặc liên hệ trực tiếp với người lao động nhưng không có việc làm trong tuần thực hiện điều tra tình trạng thất nghiệp. Ở Liên bang Đức thì cho rằng, người thất nghiệp là người lao động tạm thời không có quan hệ lao động hoặc chỉ thực hiện những công việc ngắn hạn. Ở Thái Lan: Người thất nghiệp là người lao động muốn làm việc, có khả năng làm việc nhưng không có việc làm.

Nhật Bản, người thất nghiệp là người lao động không có việc làm trong tuần lễ điều tra, có khả năng làm việc, đang tích cực tìm việc làm hoặc chờ kết quả xin việc làm:

Trung Quốc: Người thất nghiệp là người trong tuổi lao động, có khả năng lao động, chưa có việc làm đang đi tìm việc làm, đăng ký tại cơ quan giải quyết việc làm.

Nhìn Chung trên cơ sở quan điểm của Tổ chức lao động quốc tế (ILO), mỗi nước có một quan niệm khác nhau về người thất nghiệp phù hợp với điều kiện của quốc gia mình.

Song để quan niệm người thất nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam hiện nay, theo tác giả luận văn thì *“người thất nghiệp là những người lao động trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, bị mất việc làm đang tìm kiếm việc làm và sẵn sàng đi làm ngay khi có việc làm”*.

Với quan niệm này, người thất nghiệp có thể là những học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường chuyên, bộ đội xuất ngũ nhưng chưa có việc làm. Những người trong độ tuổi lao động, hoặc ngoài độ tuổi lao động có khả năng lao động nhưng không có nhu cầu tìm việc làm thì không được coi là người thất nghiệp. Có một số dạng thất nghiệp như:

- *Thất nghiệp tự nguyện*: Là những người lao động có nhu cầu làm việc nhưng lại không muốn làm việc với mức lương thịnh hành trên thị trường lúc đó.

- *Thất nghiệp không tự nguyện*: Là những người không có việc làm, muốn làm việc với mức lương đang thịnh hành nhưng không thể tìm được việc làm do cầu về lao động thấp.

Ngoài ra, dựa vào những biến động của thị trường lao động và các biến động của nền kinh tế, còn phân ra 3 loại thất nghiệp: chẳng hạn trong nền kinh tế thị trường năng động, lao động ở các nhóm, các ngành, các công ty được trả tiền công lao động khác nhau (mức lương không thống nhất trong các ngành nghề, cấp bậc). Việc đi làm hay nghỉ việc là quyền của mỗi người. Cho nên người lao động có sự so sánh chỗ nào lương cao thì làm, chỗ nào lương thấp (không phù hợp) thì nghỉ. Vì thế xảy ra hiện tượng:

- *Thất nghiệp tạm thời*: Là dạng thất nghiệp phát sinh do sự di chuyển không ngừng của con người giữa các vùng, các công việc hoặc các giai đoạn khác nhau của cuộc sống. Trong một nền kinh tế có đầy đủ việc làm, nhưng vẫn có thể luôn có một bộ phận người lao động di chuyển từ nơi này sang nơi khác do nhu cầu của cuộc sống và chưa thể có việc làm ngay.

Kết cục của những người thất nghiệp không phải là vĩnh viễn. Có những người (bỏ việc, mất việc...) sau một thời gian nào đó sẽ được trở lại làm việc. Nhưng cũng có một số người không có khả năng đó và họ phải ra khỏi lực lượng lao động do không có điều kiện bản thân phù hợp với yêu cầu của thị



trường lao động hoặc do mất khả năng hứng thú làm việc ( hay còn có thể có những nguyên nhân khác).

Như vậy, con số thất nghiệp là con số mang tính thời điểm. Nó luôn biến động theo thời gian. Thất nghiệp xuất phát từ nhu cầu cần việc làm, có việc rồi lại mất việc, từ không thất nghiệp trở lên thất nghiệp rồi ra khỏi trạng thái đó. Vì thế việc nghiên cứu dòng lưu chuyển thất nghiệp là rất có ý nghĩa.

- *Thất nghiệp có tính cơ cấu*: Là dạng thất nghiệp xảy ra khi có sự mất cân đối giữa cung và cầu lao động. Thất nghiệp cơ cấu xảy ra trầm trọng trong giai đoạn đoạn khủng hoảng kinh tế, nền kinh tế bị đình đốn, trì trệ, sản phẩm làm ra ít, tiền lương của người lao động, lãi suất, lợi nhuận đều giảm dẫn đến sức mua của xã hội cũng giảm. Trong giai đoạn này, thất nghiệp tăng nhanh do số lượng các nhà máy, doanh nghiệp, công ty đóng cửa ngày càng nhiều, người lao động bị mất việc làm hoặc thiếu việc làm. Do đó, kinh doanh có thể mở rộng hay thu hẹp do sự điều tiết của thị trường, khi sản xuất mở rộng thì thu hút thêm lao động, nhưng khi bị thu hẹp thì lại dư thừa lao động. Chính điều này có tác động đến cung và cầu trên thị trường lao động làm phát sinh hiện tượng thất nghiệp .

- *Thất nghiệp chu kỳ*: Là dạng thất nghiệp xảy ra khi mức cầu chung về lao động thấp. Khi tổng mức chi và sản lượng giảm, thất nghiệp sẽ tăng lên ở khắp mọi nơi trong toàn bộ nền kinh tế. Khác với thất nghiệp tạm thời và thất nghiệp cơ cấu, thất nghiệp chu kỳ phản ánh sự khủng hoảng, suy thoái của một nền kinh tế.

*\* Đặc điểm về lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp*

Như đã nêu trên thất nghiệp là hiện tượng đang có việc làm bị thất nghiệp và có nhu cầu tìm kiếm việc làm, như vậy đặc điểm của lao động đang hưởng TCTN được thể hiện dưới các dạng như sau:

Lao động đang hưởng TCTN là người lao động trong độ tuổi lao động có khả năng lao động và đã có giao kết hợp đồng lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động.

Lao động đang hưởng TCTN là lao động thiếu việc làm do doanh nghiệp thay đổi cơ cấu, công nghệ, doanh nghiệp phá sản...thu hẹp sản xuất kinh doanh... người lao động hoặc sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Lao động đang hưởng TCTN là lực lượng đã qua đào tạo với trình độ từ sơ cấp nghề đến lao động có trình độ Đại học trở lên. Đối với lực lượng lao động này họ đã qua thời gian thực hành, trình độ lành nghề của họ đã có sẵn, họ có thể đáp ứng được công việc cũng như ngành nghề mà họ đã từng làm, đối với lao động này họ không cần phải đào tạo lại nếu công việc giống với công việc họ đã từng làm, họ có thể đáp ứng được ngay với công việc mà họ đã làm

Lao động đang hưởng TCTN họ có nhu cầu tìm kiếm việc làm và mong muốn có việc làm ngay khi họ bị thất nghiệp. Phần lớn số lượng lao động thất nghiệp này đều đã có gia đình, nên khi họ bị thất nghiệp, thu nhập của gia đình họ bị cắt giảm dẫn đến đời sống của họ sẽ gặp khó khăn, cho nên đối với lực lượng lao động này việc làm luôn là vấn đề quan trọng nhất đối với họ.

Lao động đang hưởng TCTN theo như số liệu thống kê của cục thống kê thì trình độ của đối tượng lao động ĐHTCTN này chủ yếu là công nhân( lao động phổ thông) lao động chủ yếu là lao động chân tay.

*\* Nguyên nhân thất nghiệp*

Ở trên đã phân tích thất nghiệp chủ yếu xảy ra trong nền kinh tế thị trường, vì vậy mà thất nghiệp xảy ra là điều tất yếu khách quan do các yếu tố như: Thị trường lao động luôn có xu hướng cung nhiều hơn cầu, áp dụng các

tiến bộ khoa học kỹ thuật, cạnh tranh, khủng hoảng kinh tế...sau đây là một số nguyên nhân chính dẫn đến thất nghiệp

- Suy giảm nền kinh tế: Khi nền kinh tế lâm vào khủng hoảng thì khối lượng hàng hóa sản xuất ra không thể tiêu thụ nguồn vốn cho vay bị cắt giảm, lãi suất tăng cao khả năng trả lãi rất ít dẫn đến các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp phá sản, giải thể. Một số doanh nghiệp, công ty lớn sản xuất cầm chừng, hàng hóa sản xuất ra không tiêu thụ được giá thành lại giảm. Dẫn đến một số lượng lớn lao động phải giãn ca làm việc, thay phiên nhau vừa làm vừa nghỉ để giữ việc. Tình trạng này diễn ra trong một thời gian dài, tình hình sản xuất không có biến chuyển, không được cải thiện do đó người lao động luôn trong tình trạng thiếu việc làm, dẫn đến lao động tự động xin nghỉ việc để đi xin việc khác dẫn đến thất nghiệp hàng loạt

- Sự ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật: máy móc thay thế con người...

- Trình độ tay nghề của người lao động thấp, chưa bắt kịp với sự tiến bộ của phương tiện lao động kỹ thuật tiên tiến. Trong giai đoạn hiện nay khi nền kinh tế hội nhập quốc tế, các trang thiết bị cùng cơ sở hạ tầng được đầu tư

Suy nghĩ của bộ phận lao động trẻ: là đề cao việc học để "làm thầy" không thích làm thợ.

\* *Ảnh hưởng của thất nghiệp*

- Đối với người lao động :

Thất nghiệp đã làm cho người lao động hoang mang buồn chán và thất vọng, tinh thần luôn bị căng thẳng và dẫn tới khủng hoảng lòng tin. Người lao động bị thất nghiệp, tức mất việc làm, sẽ mất nguồn thu nhập. Do đó, đời sống bản thân người lao động và gia đình họ sẽ khó khăn. Điều đó ảnh hưởng đến khả năng tự đào tạo lại để chuyển đổi nghề nghiệp, trở lại thị trường lao động; con cái họ sẽ khó khăn khi đến trường; sức khỏe họ sẽ giảm sút do thiếu kinh tế để bồi dưỡng, để chăm sóc y tế...Có thể nói, thất nghiệp “đẩy”

người lao động đến tận cùng, đến chán nản với cuộc sống, với xã hội; dẫn họ đến những sai phạm đáng tiếc...

- Đối với nền kinh tế:

Thất nghiệp tăng có nghĩa lực lượng lao động xã hội không được huy động vào hoạt động sản xuất kinh doanh tăng lên; là sự lãng phí lao động xã hội- nhân tố cơ bản để phát triển kinh tế- xã hội. Thất nghiệp tăng lên cũng có nghĩa nền kinh tế đang suy thoái- suy thoái do tổng thu nhập quốc gia thực tế thấp hơn tiềm năng; suy thoái do thiếu vốn đầu tư (vì vốn ngân sách bị thu hẹp do thất thu thuế, do phải hỗ trợ người lao động mất việc làm...) Thất nghiệp tăng lên cũng là nguyên nhân đẩy nền kinh tế đến (bờ vực) của lạm phát.

- Đối với chính trị, xã hội

Về khía cạnh xã hội, thất nghiệp là một trong những nguyên nhân gây nên những hiện tượng tiêu cực, đẩy người thất nghiệp đến chỗ bất chấp kỷ cương, luật pháp và đạo đức để tìm kế sinh nhai như: Trộm cắp, cờ bạc, mại dâm, tiêm chích ma túy....

Thất nghiệp gia tăng làm trật tự xã hội không ổn định; hiện tượng, bãi công, biểu tình đòi quyền làm việc, quyền sống... tăng lên: Sự ủng hộ của người lao động đối với nhà cầm quyền cũng bị suy giảm... Từ đó, có thể có những xáo trộn về xã hội, thậm chí dẫn đến biến động về chính trị.

Thất nghiệp là hiện tượng kinh tế- xã hội khó khăn và nan giải của quốc gia, có ảnh hưởng và tác động đến nhiều mặt đời sống kinh tế- xã hội.

Giải quyết tình trạng thất nghiệp không phải “một sớm, một chiều”, không chỉ bằng một chính sách hay một biện pháp mà phải là một hệ thống các chính sách đồng bộ, phải luôn luôn coi trọng trong suốt quá trình phát triển kinh tế- xã hội. Bởi lẽ, thất nghiệp luôn luôn tồn tại trong nền kinh tế thị trường và tăng (giảm) theo chu kỳ phát triển của nền kinh tế thị trường.

Trong hàng loạt các chính sách và biện pháp để khắc phục tình trạng thất nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp có vị trí quan trọng- có thể nói là hữu hiệu nhất!.

### ***1.1.3.2.Trợ cấp thất nghiệp***

Trợ cấp là khoản tiền mà Chính phủ chi cho các đối tượng đang gặp khó khăn về kinh tế cần được giúp đỡ để họ ổn định đời sống, giúp họ vượt qua giai đoạn khó khăn trước mắt và dần ổn định cuộc sống lâu dài cho bản thân và gia đình họ. : ví dụ, trợ cấp cho người nghèo, trợ cấp cho người già cô đơn, trẻ mồ côi, người dân gặp thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt.....

Như trên đã phân tích thất nghiệp là tình trạng mất việc làm và bị cắt giảm thu nhập của người lao động, từ đó mà cuộc sống của người lao động cũng như gia đình của người lao động gặp khó khăn. Để giúp cho người lao động có kinh phí tham gia vào các hoạt động tìm kiếm việc làm và ổn định đời sống, Chính phủ ban hành quy định là trong thời gian đang làm việc người lao động và người sử dụng lao động phải trích một phần thu nhập của mình đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp cùng với đó chính phủ đã trích một phần ngân sách nhà nước để đóng góp vào quỹ này nhằm tạo kinh phí hỗ trợ lao động khi họ bị mất việc làm giúp đỡ họ trong khoảng thời gian nhất định để họ có cơ hội tìm việc làm quay trở lại với thị trường lao động.

Như vậy trợ cấp thất nghiệp là khoản tiền được trích ra từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp nhằm trợ giúp cho người lao động khi bị mất việc làm giúp họ có khoản thu nhập tiếp tục duy trì, ổn định cuộc sống và nhanh chóng tìm được việc làm.

Tùy theo điều kiện kinh tế- xã hội của từng nước (cụ thể là khả năng của Ngân sách Nhà nước), đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp có thể là tất cả người thất nghiệp nói chung - tức là bao gồm những người lao động đã từng có việc làm, hiện tại không có việc và những người chưa có việc làm bao giờ.

Ở Việt Nam đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp là những người lao động đang làm việc, có tham gia đóng Bảo Hiểm thất nghiệp, bị mất việc làm, hoặc chấm dứt hợp đồng lao động theo đúng quy định của Luật lao động. Đối tượng tham gia BHTN được quy định tại điều 2 của luật BHXH số 71/2006/QH11 và mới nhất là điều 43 của Luật việc làm số 38/2013/QH 13 Ngoài những đối tượng lao động đã được quy định nêu trên thì tất cả các đối tượng lao động khác không được hưởng TCTN.

#### ***1.1.4 Hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp***

Theo từ điển tiếng việt “ hỗ trợ ” là sự giúp đỡ lẫn nhau làm giảm bớt khó khăn, bổ sung thêm những biện pháp giải quyết các vấn đề khó khăn.

Các hoạt động hỗ trợ đối với các đối tượng là những người lao động ở nông thôn bị thu hồi đất, người lao động bị mất việc làm, không còn đất nông nghiệp để canh tác, nhằm giúp đỡ đối tượng này có được việc làm ổn định cuộc sống nhà nước đã đưa ra các chính sách nhằm giúp người lao động có được việc làm như: giúp đỡ về kinh phí học nghề, để có nghề nghiệp mới, dễ dàng tìm kiếm được việc làm, giúp đỡ kinh phí để họ có thể học ngoại ngữ để đi xuất khẩu lao động,....trợ giúp cho họ miễn phí tư vấn giới thiệu việc làm, họ không phải mất phí dịch vụ môi giới mà còn có cơ hội tiếp cận và lựa chọn nghề phù hợp.

Trong vấn đề giải quyết việc làm nhà nước quan tâm đến từng đối tượng cụ thể, tạo việc làm cho thanh niên, nhà nước có các chính sách giúp đỡ như tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm miễn phí cho thanh niên, thành lập các Trung tâm dịch vụ việc làm cho người lao động, để giúp cho họ có thể tới đó tìm việc và trao đổi thông tin về việc làm và học nghề...

Tất cả các hoạt động trên đều nhằm trợ giúp cho người lao động tìm kiếm được việc làm, ổn định đời sống, hạn chế tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp tránh lãng phí nguồn lực lao động của đất nước

Như vậy qua các hoạt động nêu trên có thể hiểu “ *Hỗ trợ giải quyết việc làm là các hoạt động của Nhà nước, các tổ chức xã hội, nhằm tạo ra các cơ hội, các hướng đi mới, giúp cho người lao động, mất việc làm có được việc làm, đồng thời giúp cho người lao động có thể định hướng được nghề nghiệp, lựa chọn nghề nghiệp phù hợp điều kiện, năng lực của bản thân từ đó ổn định đời sống hạn chế tình trạng thiếu việc làm và thất nghiệp* “

Hỗ trợ giải quyết việc làm có thể là hỗ trợ về vật chất và hỗ trợ về tinh thần. Hỗ trợ về tài chính ( hỗ trợ kinh phí cho người lao động để học nghề, hỗ trợ vay vốn để phát triển kinh tế hộ gia đình), các chương trình quốc gia về việc làm, hỗ trợ các hệ thống dịch vụ việc làm để cung cấp các thông tin việc làm, hỗ trợ lao động các dịch vụ tư vấn miễn phí về việc làm, về pháp luật việc làm, tư vấn giới thiệu việc làm..... tạo mọi điều kiện để lao động có thể rút ngắn thời gian tìm kiếm việc làm để ổn định cuộc sống.

## **1.2. Nội dung của hỗ trợ giải quyết việc làm cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.**

### ***1.2.1 Xác định nhu cầu hỗ trợ GQVL của lao động đang hưởng TCTN***

Để hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN được hiệu quả cao trước hết phải xác định được nhu cầu được hỗ trợ tìm kiếm việc làm của lao động đang hưởng TCTN.

+ Xác định nhu cầu được hỗ trợ tìm kiếm việc làm nhằm nắm bắt số lao động cần việc làm, và khối lượng việc làm phải cung ứng.

+ Xác định nhu cầu được hỗ trợ tìm kiếm việc làm thông qua số lượng lao động thất nghiệp tới đăng ký hưởng TCTN. Trên cơ sở đó tiến hành điều tra nhu cầu tìm kiếm việc làm mới và nhu cầu được hỗ trợ tìm kiếm việc làm.

Trước khi tiến hành điều tra cần phải xây dựng nội dung điều tra nhu cầu hỗ trợ tìm kiếm việc làm trong đó gồm các nội dung thông tin về ngành nghề mong muốn, trình độ tay nghề, trình độ đào tạo, nơi làm việc, mức thu nhập, các chế độ phúc lợi khác....

Việc xác định nhu cầu được hỗ trợ tìm kiếm việc làm giúp cho cơ quan quản lý lao động nắm bắt được cầu về lao động, khối lượng việc làm cần phải đáp ứng là bao nhiêu và cũng đánh giá được trình độ lao động, chất lượng lao động, từ đó phân loại chất lượng lao động và tìm ra nguyên nhân bị mất việc làm của nhóm đối tượng lao động này.

Xác định nhu cầu HTGQVL để tiến hành xây dựng các hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm phù hợp cho từng nhóm đối tượng lao động, mỗi một nhóm đối tượng lao động có thể có các hoạt động khác nhau nhằm giúp đỡ cho lao động có thể tìm kiếm được việc làm, và cũng là để đạt được mục tiêu quốc gia về việc làm.

### ***1.2.2. Các hoạt động cơ bản hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN***

#### ***1.2.2.1. Hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm***

Tư vấn là hoạt động đối thoại trực tiếp hoặc gián tiếp thể hiện sự góp ý, phát biểu ý kiến về những vấn đề được hỏi đến, nhưng không có quyền quyết định. Giới thiệu là cung cấp các thông tin cần thiết để người tham gia nắm bắt các thông tin cần quan tâm để lựa chọn các thông tin có ích cho bản thân mình.

Có thể nói tư vấn giới thiệu việc làm rất quan trọng, hoạt động này giúp cho người lao động đánh giá được trình độ năng lực hiện tại của bản thân có thể phù hợp được với những công việc nào.

Hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm giúp cho người lao động có thể tiếp cận được với thông tin về việc làm trên thị trường lao động, người lao động



được cung cấp các thông tin về nhà tuyển dụng, vị trí việc làm, thu nhập, và các thông tin phúc lợi khác

Giới thiệu việc làm giúp đỡ người lao động trong việc tìm kiếm việc làm, được giới thiệu các công việc mà phù hợp với năng lực trình độ của mình. Có thể nói tư vấn giới thiệu việc làm mở ra các hướng đi mới cho lao động, nó gợi mở những bước đi sao cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện có của từng người lao động.

#### *1.2.2.2. Hỗ trợ đào tạo nghề.*

Để tạo điều kiện cho người lao động sớm tìm lại được việc làm. Chính sách BHTN đã đưa ra chương trình hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động bị thất nghiệp .

Hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động bằng cách, hỗ trợ kinh phí đào tạo các ngành, nghề mới. Người lao động có nhu cầu chuyển đổi ngành nghề để tìm kiếm cơ hội việc làm mới thì được tư vấn về hoạt động đào tạo như, thời gian tham gia khóa đào tạo, kinh phí hỗ trợ trong đào tạo, các ngành nghề đào tạo, và khả năng tìm kiếm việc làm sau khi tham gia các khóa đào tạo nghề.

Hoạt động hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề nhằm tạo điều kiện cho người lao động tham gia vào các lớp đào tạo nghề, học hỏi thêm các ngành nghề mới, mở ra các cơ hội việc làm mới, sẽ giúp cho người lao động có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm hơn. Ngoài công việc và trình độ tay nghề đã có trước khi thất nghiệp, sau khi thực sự không tìm kiếm được việc làm mới, người lao động được hỗ trợ một phần kinh phí để học nghề.

Mục đích hỗ trợ đào tạo nghề cũng là nhằm giúp cho người lao động có được nhiều cơ hội lựa chọn ngành nghề, nhiều cơ hội có được việc làm, để ổn định đời sống, cũng như đáp ứng như cầu giải quyết về việc làm cho lao động thất nghiệp.

### 1.2.2.3 Hỗ trợ kết nối cung và cầu lao động

Việt Nam vẫn còn là một nước nghèo trên thế giới và trong khu vực và cũng là một nước đông dân trên thế giới. Chính vì vậy vấn đề nổi cộm trong xã hội Việt Nam hiện nay là tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm. Chống thất nghiệp và giải quyết việc làm đã trở thành mối quan tâm của Chính phủ, Công đoàn, các tổ chức xã hội cũng như của bản thân người lao động. Song giải quyết việc làm là một vấn đề bức xúc, có ý nghĩa kinh tế, chính trị và xã hội. Nó không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước, các ngành, các cấp, các tổ chức kinh tế- xã hội, nghề nghiệp, mà còn là trách nhiệm của mỗi cá nhân, và bản thân người lao động. Tuy vậy, cần có một tổ chức thực hiện những hoạt động dịch vụ việc làm góp phần tích cực giải quyết cân đối cung- cầu lao động và thúc đẩy thị trường lao động phát triển đúng hướng. Đó là các tổ chức Giới thiệu việc làm ở Việt Nam.

Việc phát triển các Trung tâm giới thiệu, xúc tiến việc làm. Hướng dẫn, định hướng các Trung tâm này trong công việc thu thập, phân tích và cung ứng thông tin về thị trường lao động, bao gồm: nhu cầu tuyển lao động, tiêu chuẩn tuyển lao động, nhu cầu cần việc làm, tiền lương, tiền công .

Tiến hành tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp, cung cấp các thông tin của các nhà tuyển dụng về ngành nghề, trình độ tay nghề, mức thu nhập và địa điểm làm việc để người lao động có thể lựa chọn công việc phù hợp và tiến hành ứng tuyển để tìm kiếm việc làm mới

Tổ chức các phiên giao dịch việc làm để người lao động và nhà tuyển dụng trực tiếp tham gia tuyển dụng. Tại các phiên giao dịch việc làm người lao động tự do lựa chọn các công việc phù hợp với trình độ và tay nghề của mình, được tham gia vào sàn giao dịch việc làm miễn phí.

Định hướng các phương tiện thông tin đại chúng như báo đài, internet... về việc giới thiệu việc làm, kết nối lao động giữa các tỉnh thành trong cả nước thông qua sàn giao dịch việc làm online.

Đây là một trong những giải pháp mà nhà nước đã đưa ra thực hiện nhằm hỗ trợ cho người lao động đang hưởng TCTN có đầy đủ thông tin về việc làm trên thị trường lao động nhanh chóng tìm kiếm được việc làm, giảm tải gánh nặng về việc làm cho người lao động.

### ***1.2.3. Đánh giá kết quả của việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN***

Nghiên cứu các kết quả của việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN là việc tìm hiểu thực trạng lao động đang hưởng TCTN có việc làm

Sau khi áp dụng các biện pháp hỗ trợ giải quyết việc làm, từ đó thấy được chất lượng thực hiện công tác hỗ trợ giải quyết việc làm như thế nào. Đó chính là kết quả của việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm ở trên.

#### ***1.2.3.1 Kết quả hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm***

Kết quả hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động đang hưởng TCTN thể hiện số lao động thất nghiệp tham gia tư vấn giới thiệu việc làm, và thể hiện số lượng lao động tìm kiếm được việc làm qua công tác tư vấn giới thiệu việc làm của Trung tâm.

#### ***1.2.3.2 Kết quả hỗ trợ đào tạo nghề.***

Là thể hiện số lượng ngành nghề đào tạo cho nhóm đối tượng thất nghiệp, chất lượng kết quả đào tạo nghề cho người lao động có đáp ứng được với nhu cầu của xã hội cũng như giúp cho người lao động có thể nâng cao trình độ tay nghề, và có thể giúp họ chuyển đổi ngành nghề và tìm kiếm được việc làm mới

Cùng với đó là công tác hỗ trợ đào tạo nghề có thu hút được số lượng lao động thất nghiệp tham gia học nghề.

#### *1.2.3.3. Kết quả hỗ trợ kết nối cung cầu lao động.*

Thể hiện số lượng doanh nghiệp tham gia tuyển dụng trên sàn việc làm, số vị trí tuyển dụng tham gia trên các sàn hàng tháng, cùng với đó là chất lượng của các phiên giao dịch việc làm có đạt kết quả hay không có là nơi để người lao động tìm đến thường xuyên và tìm kiếm được việc làm tại các sàn này.

### **1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp**

#### ***1.3.1 Nhân tố về cơ chế chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động thất nghiệp***

Cơ chế chính sách giải quyết việc làm của nhà nước, của địa phương cũng là nhóm nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN.

- Nội dung chính sách xác định đối tượng, chế độ, tiêu chí, điều kiện tham gia,... tùy từng hoạt động hỗ trợ mà có các chế độ về quyền lợi, mức hưởng và đưa ra những điều kiện ràng buộc cho các đối tượng tham gia. Nội dung chính sách còn xác định trách nhiệm của các ban ngành, địa phương trong việc thực hiện hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm

Hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm được hình thành từ nhu cầu thực tế của lực lượng lao động thất nghiệp, họ cần được giúp đỡ trong hoàn cảnh thiếu việc làm và không có việc làm, đời sống bị đe dọa đói nghèo. Tuy nhiên không phải mọi lao động thất nghiệp đều có nhu cầu và có cơ hội ngang nhau trong việc tham gia vào hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm. Để có thể đưa ra được các chính sách hỗ trợ phù hợp trước hết phải nắm bắt được đặc điểm, điều kiện, hoàn cảnh của từng đối tượng lao động ví dụ, đối với lao động thất

nghiệp thì trước hết họ có trình độ lành nghề, có thời gian thực tế trong công việc, các trang thiết bị công nghệ họ đã có thời gian thực hành và trực tiếp vận hành nó. Đối với lao động nông thôn thì, kiến thức hạn chế, tác phong nông nghiệp, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp... đối với lao động thanh niên thì nhóm đối tượng lao động này là lực lượng lao động trẻ có sức khỏe có trình độ, lòng nhiệt huyết hăng say công việc giám mạo hiểm và tìm tòi học hỏi.... từ đó mà đưa ra các chương trình hỗ trợ cho phù hợp với từng nhóm đối tượng lao động.

- Mức hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN cũng là yếu tố quan trọng khi các chương trình hỗ trợ đưa ra, mức hỗ trợ được xem là yếu tố quyết định thành công đến hoạt động đó. Bản thân của lao động đang hưởng TCTN đã gặp khó khăn trong đời sống, mức sống đang bị đe dọa nếu không đưa ra được mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện cũng như hoàn cảnh phát triển kinh tế hiện tại thì làm sao người lao động có khả năng tham gia và các chương trình hỗ trợ mà nhà nước đưa ra.

Có thể nói các chính sách nhằm giúp đỡ cho người lao động đang hưởng TCTN của chính phủ, chính quyền địa phương là yếu tố quyết định thành công trong hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN, mục tiêu, nội dung của chính sách đưa ra có áp dụng vào đúng đối tượng, cần trợ giúp hay không, nếu chính sách đưa ra không đúng với mục tiêu, mục đích thì nó không những không giải quyết được việc làm cho người lao động mà nó còn ảnh hưởng đến mục tiêu giải quyết việc làm, làm chậm lại quá trình giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN.

### ***1.3.2. Nhân tố về cơ quan thực hiện hỗ trợ giải quyết việc làm***

Các mục tiêu, nhiệm vụ của hỗ trợ giải quyết việc làm có được thực hiện tốt hay không, có đạt được kết quả tốt hay không là phụ thuộc vào các cơ quan quản lý lao động, các lãnh đạo, cán bộ của các cơ quan quản lý lao động

Các lãnh đạo, cán bộ có đánh giá và nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động hay không nó sẽ quyết định đến việc đưa ra các kế hoạch cũng như phương hướng thực hiện nhiệm vụ này .

Nếu các nhà lãnh đạo coi trọng và nhận biết được tầm quan trọng của hoạt động giải quyết việc làm sẽ có các quy trình thực hiện nhiệm vụ như cách thức thực hiện chính sách, giám sát hoạt động thực hiện chính sách, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ sẽ được thực hiện tốt hơn, còn ngược lại, nó sẽ làm lãng phí kinh phí nhà nước, kìm hãm tiến trình hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động và thực hiện các hoạt động chỉ mang tính chất chống đối, hình thức....

Mỗi một chính sách của nhà nước đưa ra nhằm hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động đều hướng tới giúp cho người lao động có được việc làm và giúp họ ổn định được cuộc sống, nhưng có thực hiện được hay không đều phụ thuộc vào các cấp thực thi chính sách đó. Nếu cơ quan thực thi chính sách việc làm của nhà nước tốt, thì các chính sách mà nhà nước hỗ trợ cho người lao động sớm đến được tay của họ, nhưng nếu giải quyết không tốt, quyền lợi của người lao động bị mất mà còn lãng phí kinh phí của nhà nước bỏ ra . Chính vì thế mà các ban ngành đoàn thể thực thi các chính sách hỗ trợ của nhà nước cần có được đội ngũ cán bộ đủ trình độ, đủ năng lực để thực thi các nhiệm vụ của chính sách nhà nước đề ra

### ***1.3.3. Nhân tố về thị trường lao động***

Thị trường lao động là nơi trao đổi hàng hóa sức lao động giữa một bên là những người sở hữu sức lao động và một bên là những người cần thuê sức lao động đó. Thị trường lao động còn là biểu hiện mối quan hệ giữa một bên là người có sức lao động và một bên là người sử dụng sức lao động nhằm xác

định số lượng và chất lượng lao động sẽ đem ra trao đổi và mức thù lao tương ứng.

Thị trường lao động luôn luôn biến động, với mỗi thời kỳ phát triển kinh tế xã hội, nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trên thị trường lao động ở mỗi thời kỳ khác nhau. Trong thời kỳ nền kinh tế ổn định và phát triển, các lĩnh vực sản xuất phát triển, nhu cầu hàng hóa trên thị trường ngày một lớn, từ đó cầu về lao động sẽ rất lớn, các công ty, các tập đoàn tập trung phát triển sản xuất nhu cầu nguồn nhân lực tăng nhanh chóng, lúc này thị trường lao động hoạt động rất sôi động, và ngược lại khi nền kinh tế lâm vào cuộc khủng hoảng, kinh tế chậm phát triển, nguy cơ thu hẹp sản xuất, cắt giảm việc làm, thì lúc này trên thị trường lao động cầu về lao động giảm và cung lao động trên thị trường tăng cao gây áp lực về giải quyết việc làm cho lao động thất nghiệp. Khả năng hỗ trợ giải quyết được việc làm cho người lao động nhiều hay ít phụ thuộc vào mức độ nhu cầu lao động trên thị trường,

#### ***1.3.4. Nhân tố về bản thân người lao động***

Khi các hoạt động hỗ trợ của nhà nước đã được đưa ra nhằm giúp cho người lao động có cơ hội tìm được việc làm, với điều kiện này thì chưa đủ mà còn phải phụ thuộc vào bản thân người lao động.

Một trong yếu tố ảnh hưởng đến hỗ trợ giải quyết việc làm đó là trình độ tay nghề và trình độ nhận thức của người lao động. Nếu một đội ngũ lao động có trình độ tay nghề cao, thì khả năng khai thác cung lao động cho nhóm lao động này rất thuận lợi, ngược lại, nếu trình độ của người lao động thấp thì việc khai thác các công việc gặp khó khăn. Từ trước tới nay tư duy suy nghĩ của người lao động đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người dân lao động Việt Nam là thứ nhất cận thân thứ nhì cận lân. Tư tưởng ỷ lại và trông chờ vào người khác sẽ giúp mình tìm kiếm việc làm, bản thân người lao động không chủ động tìm kiếm, không tự tạo ra cho mình một hướng đi mới, nên hoạt

động hỗ trợ gặp khó khăn trong công tác tuyên truyền và tư vấn cho lao động. Công tác vận động lao động tham gia các hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm của nhà nước sẽ kém hiệu quả. Tâm lý không thích thay đổi nghề nghiệp, đã từng làm việc gì rồi thì mãi muốn làm việc đó, không mạnh dạn tìm hướng đi mới trong nghề nghiệp của bản thân. Đây cũng là yếu tố ảnh hưởng đến công tác hỗ trợ giải quyết việc làm,

Mỗi một chính sách đề ra nhằm hỗ trợ cho từng đối tượng cụ thể, đòi hỏi phải có sự kết hợp của hai yếu tố đó là con người và điều kiện hỗ trợ con người tiếp xúc được với việc làm. Cả hai cùng nỗ lực vì mục tiêu giải quyết được việc làm thì hiệu quả của mục tiêu đó mới cao. Bản thân người lao động, họ có thực sự muốn tìm kiếm việc làm mới hay không? Hay họ cứ ngồi trông chờ và ỷ lại cho nhà nước tìm kiếm cho họ. Nếu bản thân họ nỗ lực tìm kiếm cơ hội việc làm, bằng các cách như tiếp tục học tập, học thêm nghề mới, tìm kiếm các công việc tương tự giống với công việc cũ, thay đổi các suy nghĩ, cách làm việc, hay tham gia vào các buổi tư vấn giới thiệu việc làm, tham gia vào các sàn giao dịch việc làm ..... thì người lao động sớm tìm được việc mới còn ngược lại.



## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

### 2.1. Khái quát tỉnh Quảng Ninh và Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Ninh

#### 2.1.1. Khái quát về tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh nằm trong dải hành lang biển lớn của Bắc Bộ, trên đó có mạng lưới đường bộ, đường sắt và cảng biển lớn đang được mở rộng và phát triển. Cùng với Hải Phòng, phía Đông Bắc của tỉnh giáp Trung Quốc, có đường biên giới dài khoảng 132,8 km, phía Nam giáp vịnh Bắc Bộ, có chiều dài bờ biển 250 km, phía Tây Nam giáp thành phố Hải Dương, phía Tây Bắc giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và Hải Dương.

Địa hình Quảng Ninh mang tính chất là một vùng miền núi, trung du và ven biển, hình thành 3 vùng tự nhiên rõ rệt: vùng núi có diện tích gần 3.000 km<sup>2</sup>, chiếm 41%; vùng hải đảo 619 km<sup>2</sup>, khoảng 10,0%. Quảng Ninh có quỹ đất dồi dào với 601.000 ha, trong đó 50.364 ha đất nông nghiệp đang sử dụng, 146.019 ha đất lâm nghiệp với nhiều diện tích đất có thể trồng cỏ phù hợp cho chăn nuôi, khoảng gần 20.000 ha có thể trồng cây ăn quả.

Tiềm năng đất lâm nghiệp của tỉnh khá lớn. Rừng để sản xuất, kinh doanh chiếm 80% có thể hình thành các vùng trồng gỗ nguyên liệu và cây đặc sản quy mô lớn để cung cấp cho nguyên liệu chế biến lâm sản của địa phương.

Quảng Ninh có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú cũng là một yếu tố nổi trội của tỉnh, là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế theo hướng

công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quảng Ninh khá giàu khoáng sản, nhưng nổi bật nhất là than đá với trữ lượng 3,5 tỷ tấn, cho phép khai thác 30 – 40 triệu tấn/năm. Bên cạnh đó Quảng Ninh còn có các loại nguyên liệu làm vật liệu như: đá vôi, đất sét, gạch ngói...rất phong phú và phân bố rộng khắp trong tỉnh, các mỏ sét gạch ngói Giếng Đáy, Quảng Yên có trữ lượng 45 triệu tấn có thể khai thác quy mô lớn có chất lượng cao, điều kiện khai thác thuận lợi, là nguồn nguyên liệu quan trọng để phát triển công nghiệp phục vụ nhu cầu trong và ngoài nước.

Hiện nay, Quảng Ninh là một trong 4 ngư trường lớn nhất cả nước. Dọc chiều dài 250 km bờ biển Quảng Ninh có trên 40.000 ha bãi biển, 20.000 ha eo vịnh và hàng chục nghìn ha vũng nông ven bờ là môi trường thuận lợi để phát triển nuôi và chế biến hải sản xuất khẩu. Ngoài điều kiện thuận lợi về tài nguyên biển, Quảng Ninh có bờ biển dài, nhiều khu vực kín gió, ít lắng đọng để phát triển cảng biển. Đó là tiềm năng để phát triển hệ thống cảng biển. Mặt khác với các ưu thế nổi bật về giao thông, đặc biệt là hệ thống cảng biển, cảng sông cùng các cửa khẩu quốc tế, Quảng Ninh có đủ điều kiện cần thiết để hình thành các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất.

Quảng Ninh có tài nguyên du lịch đặc sắc vào loại nhất của cả nước, có nhiều bãi biển đẹp, có cảnh quan nổi tiếng của vịnh Hạ Long, Bái Tử Long cùng các hải đảo đã được tổ chức UNESCO công nhận là “di sản văn hoá thế giới” cùng hàng trăm di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật tập trung dọc ven biển với mật độ cao vào loại nhất của cả nước. Đây có thể coi là thế mạnh để giúp cho Quảng Ninh đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội.

### ***2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Trung tâm DVVL***

Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng Ninh được thành lập ngày 12/11/1990 theo quyết định số 478QĐ/UB của UBND Tỉnh Quảng Ninh; lúc đó có tên gọi là "Trung tâm Xúc tiến việc làm Quảng Ninh", với chức năng,

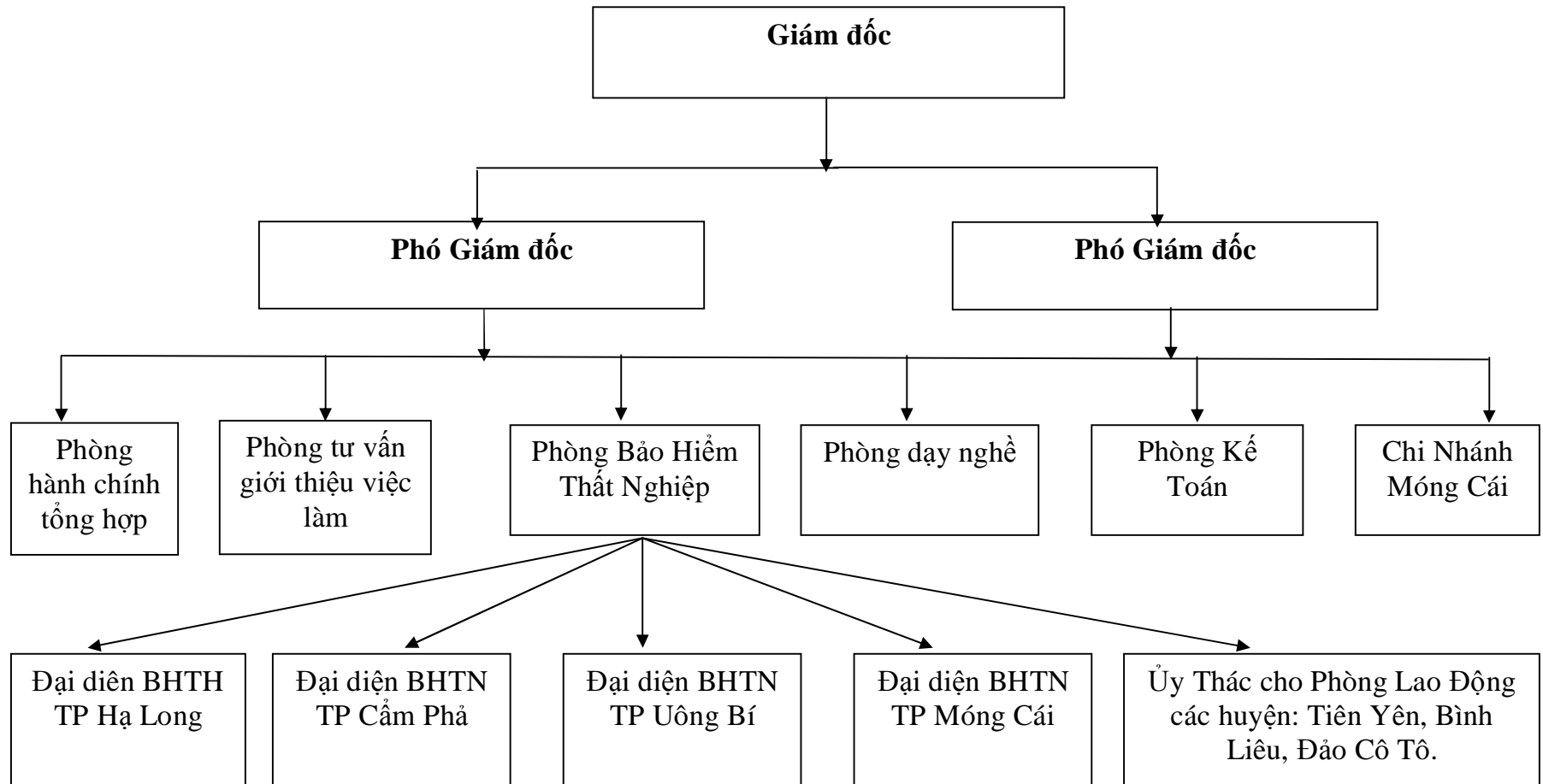
nhiệm vụ là: đón tiếp và tổ chức các khoá đào tạo nghề ngắn hạn, giải quyết việc làm cho người lao động hồi hương từ các quốc gia trở về.

Ngày 23/06/1994, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Bộ luật lao động, trong đó có nội dung quy định về các hoạt động của tổ chức dịch vụ việc làm. Căn cứ quy định tại Nghị định số 72/CP ngày 31/10/1995 của Chính phủ và Thông tư số 08/LĐT BXH ngày 22/4/1997 của Bộ Lao động TB-XH hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm; Theo đó ngày 05/12/1997 UBND Tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định số 4362/QĐ/UB đổi tên Trung tâm Xúc tiến việc làm Quảng Ninh thành Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Ninh;

Theo Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 28/02/2005 của Chính phủ và Thông tư số 20/2005/TT-LĐT BXH ngày 22/6/2005 của BLĐ TBXH hướng dẫn tổ chức và hoạt động giới thiệu việc làm; Ngày 15/12/2005 UBND Tỉnh Quảng Ninh đã ra Quyết định số 4657/QĐ-UBND thành lập TTGTVL Quảng Ninh trên cơ sở Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Ninh và đến ngày 1/6/2015 UBND tỉnh lại ra Quyết định số 1517/QĐ-UBND đổi tên Trung tâm thành Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Ninh .

#### *2.1.2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy*

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm gồm: Ban Giám đốc, 05 phòng nghiệp vụ và 01 chi nhánh Móng Cái; Cụ thể là các phòng: Phòng Hành chính - tổng hợp, phòng Kế toán, phòng Dạy nghề, phòng Tư vấn Giới thiệu việc làm, phòng Bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, để triển khai các hoạt động giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, Trung tâm còn có 5 văn phòng đại diện BHTN cấp huyện (cụ thể: Đại diện BHTN thành phố Hạ Long; Đại diện BHTN thành phố Uông Bí; đại diện BHTN thành phố Cẩm Phả; Đại diện BHTN thành phố Móng Cái, và ủy thác cho các phòng lao động thương binh và xã hội của các huyện: Huyện Tiên Yên, Huyện Bình Liêu, Huyện Đảo Cô Tô).

**Sơ đồ 1.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của TTGTVL tỉnh Quảng Ninh.**

*Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban*

+ Giám đốc: Là công chức lãnh đạo đứng đầu Trung tâm, có trách nhiệm quản lý, điều hành mọi hoạt động của Trung tâm, có nhiệm vụ, quyền hạn như:

- Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động chung của Trung tâm và trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công trong Ban giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về những quyết định của mình và về mọi hoạt động của Trung tâm.

+ Phó Giám đốc: Là viên chức Lãnh đạo giúp việc cho Giám đốc Trung tâm; giải quyết một số công việc của Trung tâm khi được Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền như: Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm về kết quả công tác được giao.

*+ Phòng Hành chính - Tổng hợp có nhiệm vụ:*

- Giúp lãnh đạo Trung tâm thống kê, tổng hợp các hoạt động của cơ quan, xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của Cục việc làm, Sở Lao động TB&XH và các cơ quan hữu quan khác.

- Giúp lãnh đạo Trung tâm quản lý tổ chức, biên chế bộ máy và đội ngũ cán bộ viên chức, lao động của Trung tâm. Thực hiện các chế độ tiền lương, BHXH... và các chế độ khác cho CBVCLĐ.

- Quản lý hành chính, tài sản, công tác văn thư, lưu trữ.

*+ Phòng Tư vấn Giới thiệu việc làm có nhiệm vụ:*

- Tư vấn về việc làm cho người lao động.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động Chợ việc làm, các phiên giao dịch của Sàn Việc làm, hoặc làm các thủ tục giới thiệu, tuyển và cung ứng lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động.

- Thu thập, phân tích xử lý thông tin và cung ứng các thông tin về thị trường lao động .

+ *Phòng Bảo hiểm thất nghiệp có nhiệm vụ:*

- + Tổ chức tuyên truyền việc thực hiện chính sách Bảo hiểm thất nghiệp.
- + Tổ chức tiếp nhận đăng ký, làm các thủ tục để lãnh đạo Trung tâm trình Giám đốc Sở Lao động TB&XH ký Quyết định cho người lao động hưởng TCTN, hỗ trợ kinh phí học nghề...

+ Phối hợp với các phòng có liên quan tư vấn giới thiệu việc làm, giới thiệu học nghề cho người lao động.

+ *Phòng Dạy nghề có nhiệm vụ:*

- Tổ chức tuyển sinh đào tạo, dạy nghề tại Trung tâm, tại các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp trong tỉnh.
- Tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ sơ cấp nghề theo quy định của Nhà nước.

+ *Phòng Kế toán có nhiệm vụ:*

- Thực hiện công tác kế toán, hạch toán kế toán theo quy định. Quản lý thu- chi, sử dụng các quỹ nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật. Tham gia quản lý tài sản của Trung tâm.

#### *2.1.2.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm*

Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Ninh là đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc Sở LĐTB&XH tỉnh Quảng Ninh. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, được UBND tỉnh trực tiếp giao dự toán kinh phí để hoạt động theo quy định của pháp luật. Trung tâm chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Sở LĐTB&XH tỉnh Quảng Ninh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn của các Vụ, Cục liên quan thuộc BLĐTBXH

1. Tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động.
2. Thu thập, phân tích và cung ứng thông tin về thị trường lao động

3. Đào tạo, giáo dục định hướng và giới thiệu lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

4 Tổ chức dạy nghề theo quy định của pháp luật.

5. Giải quyết các chế độ Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

6. Tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp; tổ chức dạy nghề phù hợp cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.

#### 2.1.2.3. Kết quả hoạt động đạt được trong những năm gần đây

Ngay từ khi mới được thành lập, TTDVVL Quảng Ninh đã tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề và là cầu nối quan trọng giữa người lao động với những người sử dụng lao động và ngược lại, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với tiến trình chuyển dịch kinh tế của địa phương; thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của tỉnh giao cho và sự chỉ đạo trực tiếp của Sở LĐTB&XH. Trong những năm qua Trung tâm luôn hoàn thành kế hoạch được giao và có một số chỉ tiêu vượt kế hoạch.

**Bảng 2.1. Kết quả hoạt động của TTGTVL năm 2012-2014**

Chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị	2012	2013	2014
<b>1. Tư vấn Giới thiệu việc làm</b>				
Số người được tư vấn, GTVL	Lượt /ng	8.006	8.300	8.283
Cung ứng giới thiệu lao động cho DN	Lượt DN	710	831	829
<b>2. Dạy nghề</b>				
Tổng số lao động được đào tạo	Người	1.400	805	379

*Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động của TTDVVL Quảng Ninh*

Bên cạnh hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm và dạy nghề, trung bình mỗi năm Trung tâm tổ chức thành công 24 phiên giao dịch việc làm.

Ngoài ra phối hợp với các phòng lao động Thương binh và xã hội tổ chức tốt các Chợ phiên việc làm cho lao động. Trung tâm đặc biệt quan tâm đến công tác tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp .

Cùng với việc tư vấn giới thiệu việc làm, Trung tâm còn thực hiện có hiệu quả các hoạt động về thông tin thị trường lao động, điều tra cơ sở dữ liệu Cung-Cầu lao động theo sự chỉ đạo của Cục việc làm và SLĐTB&XH.

## **2.2. Thực trạng thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

### ***2.2.1 Tình hình lao động thất nghiệp và số LĐTN được hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh***

Theo báo cáo của TTDVVL Quảng Ninh, lao động thất nghiệp từ năm 2010 đến năm 2014 có xu hướng tăng nhanh, lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, cùng với đó là lao động của địa phương làm việc trên các tỉnh thành trên cả nước bị mất việc làm nên quay trở về quê sinh sống dẫn đến số lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng.



**Bảng 2.2: Tình hình lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>		<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	
1	Số người đăng ký hưởng TCTN		911	1.340	3.558	3.638	4.592	
2	Số người được hưởng TCTN		911	1.289	3.411	3.620	4.493	
	Số người được hưởng TCTN	Nam	< 24 tuổi	44	153	393	386	198
			25-40 tuổi	232	239	1123	1061	1869
			>40 tuổi	101	182	376	422	508
		Nữ	< 24 tuổi	45	157	381	390	291
			25-40 tuổi	246	357	937	1066	1340
			>40 tuổi	243	201	201	295	287
3	Tổng số tiền trợ cấp thất nghiệp( triệu đồng)		2,153	3,268	16,822	29,255.854	42,247.390	

(Nguồn : Phòng bảo hiểm thất nghiệp –TTDVVL Quảng Ninh)

Qua bảng số liệu báo cáo từ năm 2010 đến năm 2014 ta thấy rõ, lực lượng lao động thất nghiệp tăng lên rất nhanh, năm 2010 là năm đầu tiên chính sách BHTN đi vào cuộc sống của người lao động, sau 1 năm tham gia đóng BHTN năm 2009. Số lao động bị mất việc làm đến đăng ký hưởng TCTN với số lượng là 911 người. Đến năm 2011 số lao động thất nghiệp tăng lên rất nhanh là 1.340 người tăng 47,32% so với năm 2010 với tổng số tiền trợ cấp là 3,268 tỷ đồng. Năm 2012 lực lượng lao động thất nghiệp tăng đột biến từ 1.289 năm 2011 tăng lên 3.411 người lao động thất nghiệp tăng 160,44% tương ứng với (2.122 người), với tổng số kinh phí hỗ trợ lao động thất nghiệp là 16,822 tỷ đồng đến năm 2013 và 2014 tỷ lệ lao động có xu hướng giảm dần so với những năm trước, bình quân hàng năm tốc độ lao động thất nghiệp giữ ở mức 10,61% năm (2013) và 12,41% năm 2014, lực lượng lao động bị mất việc làm trong toàn tỉnh tăng cao, ảnh hưởng đến chất lượng và đời sống của người lao động trên địa bàn tỉnh.

Thông qua bảng số liệu ta thấy lực lượng lao động dưới 24 trở xuống chiếm 11% tỷ lệ trong tổng số lao động thất nghiệp.

Lực lượng lao động từ 25 - 40 chiếm tỷ lệ 64,98% trong tổng số lao động thất nghiệp năm 2010, và các năm tiếp theo con số lao động thất nghiệp ở độ tuổi lao động từ 24 - 40 luôn chiếm tỷ lệ trong khoảng từ 55% đến 70%.

Đây có thể nói lực lượng lao động trẻ nằm trong tỷ lệ thất nghiệp lớn nhất trong tỷ lệ lực lượng lao động bị thiếu việc làm, năm 2014 tỷ lệ lao động trong độ tuổi này chiếm đến 70% lực lượng lao động bị mất việc làm.

*\*. Lao động thất nghiệp theo trình độ*

**Bảng 2.3. Tình hình lao động được hưởng TCTN theo trình độ**

Trình độ	Đơn vị	2010	2011	2012	2013	2014
Đại học – Cao đẳng	Người	95	202	669	680	1.022
Trung cấp nghề	Người	442	445	840	995	1.537
Laodộng Phổ thông	Người	374	642	1.902	1.945	1.934
Tổng Số	Người	911	1.289	3.411	3.620	4.493

*Nguồn: Phòng BHTN - TT DVVL Quảng Ninh*

Qua bảng số liệu trên có thể thấy nhóm lực lượng lao động không có trình độ tay nghề (lao động phổ thông) là nhóm thất nghiệp tương đối lớn. Xuyên suốt bảng số liệu từ năm 2010 đến 2014 nhóm lực lượng lao động này luôn chiếm 40% đến 55,7% trong tổng số lực lượng lao động thất nghiệp. Điều này nói lên một điều, nếu không có trình độ tay nghề thì nguy cơ mất việc làm rất lớn, bởi công nghệ phương tiện máy móc ngày một hiện đại, nếu trình độ tay nghề không đáp ứng kịp thời thì sẽ tự khắc bị sa thải và bị mất việc làm.

Đối với nhóm tay nghề ở mức trung cấp nghề hay lành nghề đây cũng là nhóm lao động thất nghiệp có tỷ lệ lớn đứng thứ hai sau lao động phổ thông chiếm tỷ lệ cao, riêng năm 2010 tỷ lệ này lại chiếm tới 48% sau đó giảm dần chỉ còn 24% đến 34% tổng số lao động thất nghiệp.

Nhìn bảng số liệu trên ta cũng thấy tỷ lệ có trình độ tay nghề từ cao đẳng đại học trở lên lực lượng lao động này chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng lực lượng lao động thất nghiệp chiếm từ khoảng 14% đến 22% trong tổng lực lượng lao động bị thất nghiệp.

Qua điều tra phỏng vấn số lao động mất việc làm chủ yếu là công nhân, lao động kỹ thuật giản đơn

**Bảng 2.4. Lao động thất nghiệp theo vị trí công việc**

Nội dung	Tổng số	
	Số người	Tỷ lệ
Lao động Công nhân ( may, khai thác than, đóng tàu, sản xuất gạch, sx xi măng, lái xe ....)	87	58,00%
Lao động khối văn phòng – hành chính ( kế toán, tổ chức hành chính, phục vụ buồng bàn ba, bán hàng, thu ngân...)	52	34,67%
Lao động Kỹ thuật cao (Điều hành sản xuất, quản đốc. quản đốc phân xưởng, )	11	7,33%
Tổng số	150	100%

*Nguồn : Bảng kết quả phỏng vấn B1,B2*

Thông qua kết quả bảng phỏng vấn ta nhận thấy tình trạng lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là công nhân tại các nhà máy, xí nghiệp, lực lượng lao động này chiếm 58% tỷ lệ lao động thất nghiệp. Đối với lao động nhóm văn phòng - hành chính, lực lượng lao động thất nghiệp chủ yếu ở đây là các nhóm ngành phục vụ, nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch,... lực lượng lao động này chiếm 34,67% tỷ lệ lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đối với lao động ở khối kỹ thuật cao tỷ lệ thất nghiệp ít chỉ chiếm 7,33%.

### **2.2.2. Nguyên nhân của số lao động thất nghiệp**

Nguyên nhân dẫn đến một lực lượng lớn lao động bị thất nghiệp. Như trên đã phân tích lực lượng lao động thất nghiệp ngày càng lớn là do, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn thế giới tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế của nước ta. Cuộc khủng hoảng kinh tế tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, hàng loạt các doanh nghiệp doanh thu bị cắt

giảm dẫn đến nợ công, nợ lương của công nhân. Đối với Quảng Ninh là một tỉnh công nghiệp, tại đây tập trung lớn nhất là các đơn vị khai thác và chế biến than, và công ty đóng tàu Vinasin, công ty sản xuất Gốm Sứ, công ty sản xuất Gạch Ngói .....

Từ năm 2010- 2014 các công ty có quy mô lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thu hẹp sản xuất, sáp nhập và giải thể dẫn đến khối lượng lớn lao động bị thất nghiệp.

- Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu dẫn đến nền kinh tế Việt Nam cũng bị ảnh hưởng, nền kinh tế trong nước chậm phát triển, lãi suất huy động vốn của các doanh nghiệp tăng cao đỉnh điểm là năm 2009 – 2010, các doanh nghiệp không có vốn để quay vòng, trong khi đó hàng hóa sản xuất ra không tiêu thụ được, dẫn đến tình trạng tồn kho, tiền lương trả cho lao động chậm thậm chí có những nơi còn nợ lương trong khoảng thời gian dài.

Sản xuất bị trì trệ có những doanh nghiệp phải luân phiên nhau nghỉ việc, cắt giảm thời gian lao động, dẫn đến lao động thiếu việc làm, thu nhập thấp.... do đó mà công nhân phải bỏ việc để đi tìm công việc mới.

- Nếu như vào những năm 1990 ngành công nghiệp nặng phát triển thì đến nay đang có xu hướng dịch chuyển phát triển đồng đều trên tất cả các ngành nghề. Các ngành công nghiệp nặng trước đây bị trì trệ, không lối thoát dẫn đến giải thể hàng loạt ví dụ như các công ty đóng tàu Vinasin Hạ Long, các công ty khai thác than và khoáng sản Quảng Ninh,.... lao động bị mất việc hàng loạt.

Trong những năm gần đây tình trạng lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên luôn mong muốn tìm được các công việc tốt hơn nên khi tìm hiểu và thấy doanh nghiệp nào có mức đãi ngộ tốt hơn, phù hợp hơn với bản thân mình thì lại xin nghỉ việc để chuyển đổi công việc khác.....

### **2.3. Phân tích thực trạng hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

#### ***2.3.1. Xác định nhu cầu HTGQVL của lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh***

Qua thời gian nghiên cứu tại TTDVVL cho thấy Trung tâm chưa tiến hành các hoạt động xác định nhu cầu HTGQVL của người lao động đang hưởng TCTN làm căn cứ để xây dựng các biện pháp HTGQVL cho người lao động .

Quan điểm của Trung tâm về công tác HTGQVL cho người lao động rất chung chung đó là khi người lao động đến đăng ký hưởng TCTN, cán bộ của Trung tâm chỉ tư vấn nhanh về các chế độ, các hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc làm trong thời gian được hưởng TCTN cho người lao động. Do đó trong 5 năm thực hiện công tác HTGQVL cho người lao động đang hưởng TCTN Trung tâm không xác định được số lượng lao động có nhu cầu HTGQVL.

Như vậy, không tiến hành xác định nhu cầu HTGQVL của người lao động cho nên Trung tâm đã không nắm bắt được số lượng lao động mong muốn được hỗ trợ tìm kiếm việc làm để xây dựng các giải pháp hỗ trợ cho lao động.

Mặt khác, do không tiến hành xác định nhu cầu HTGQVL của người lao động nên Trung tâm đã thực hiện công tác này một cách thụ động, chủ yếu là làm cho có số liệu để báo cáo, dẫn đến hoạt động này không đạt được hiệu quả như mục đích của công tác này đề ra.

Để nắm bắt được nhu cầu HTGQVL của người lao động, tác giả luận văn đã tiến hành phát phiếu điều tra bằng bảng hỏi để tìm hiểu thông tin, cũng như nhu cầu hỗ trợ GQVL của người lao động đang hưởng TCTN .

**Bảng 2.5. Tình hình nhu cầu HTGQVL của lao động đang hưởng TCTN qua khảo sát.**

Nội dung	Tổng số	
	Số người	Tỷ lệ (%)
Lao động có nhu cầu HTGQVL	88	71,54
Lao động không có nhu cầu HTGQVL	35	28,46
Tổng số	123	100,00

*Nguồn: Bảng kết quả phỏng vấn B1, B2*

Thông qua phiếu khảo sát lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh cho ta thấy, nhu cầu được HTGQVL là rất lớn, số lao động mong muốn được hỗ trợ trong việc tìm kiếm việc làm là 71,54% đây là con số tương đối lớn. Cũng thông qua phiếu khảo sát cho thấy số lao động có nhu cầu HTGQVL đa số là lao động có trình độ tay nghề thấp, lao động phổ thông. Đây là nhóm lao động yếu thế trong thị trường lao động, do trình độ tay nghề không cao nên không đáp ứng được công việc mà các nhà tuyển dụng đưa ra.

Có thể nói thông qua phiếu khảo sát nhu cầu HTGQVL của người lao động cho ta thấy, đây là công việc rất quan trọng, và cần thiết để xác định được đúng đối tượng cần trợ giúp và xác định được mục tiêu rõ ràng, từ đó mới xây dựng các kế hoạch cũng như mục tiêu hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN một cách có hiệu quả.

### ***2.3.2. Các hoạt động cơ bản hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN***

Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN do BLĐTBXH giao cho sở LĐTB&XH thực hiện công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động đang hưởng TCTN, sở LĐTB &XH Quảng Ninh đã giao nhiệm vụ trực tiếp cho TTDVVL Quảng Ninh vừa giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho người lao động vừa thực hiện hoạt động hỗ trợ

giải quyết việc làm cho người đang hưởng TCTN. Trong quá trình giải quyết TCTN cho người lao động, TTDVVL Quảng Ninh kết hợp với chức năng nhiệm vụ của Trung tâm tiến hành thực hiện hoạt động HTGQVL cho lao động đang hưởng TCTN, trên cơ sở nắm bắt được tình hình lao động thất nghiệp cũng như nhu cầu việc làm của nhóm đối tượng này. Từ đó lên kế hoạch cũng như quy trình công tác HTGQVL cho người lao động.

#### *2.3.2.1. Hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động đang hưởng TCTN*

Để hỗ trợ cho lao động đang hưởng TCTN có khả năng tìm kiếm được việc làm trong thời gian hưởng TCTN Chính phủ ban hành nghị định 127/2008 /NĐ-CP ngày 12/12/2008 quy định, cơ quan thực hiện công tác hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động đang hưởng TCTN, kèm theo đó là thông tư 32/2010 /TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định 127/2008, theo hướng dẫn BLĐTBXH phân công nhiệm vụ giải quyết chế độ BHTN cho người lao động cụ thể là TTDVVL trực thuộc sở LĐTB&XH các tỉnh thành trên cả nước.

Với chức năng và nhiệm vụ được giao, TTDVVL Quảng Ninh đã giao nhiệm vụ cho phòng BHTN và phòng TVGTVL kết hợp cùng hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đồng thời đưa ra quy định thực hiện công tác TVGTVL cho lao động hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh như sau: Khi người lao động đến đăng ký hưởng TCTN, trước tiên lao động làm xong thủ tục đăng ký hưởng TCTN, tiếp theo người lao động phải qua phòng TVGTVL để được tư vấn giới thiệu việc làm, đây là bước đầu tiên thực hiện TVGTVL khi lao động đến đăng ký hưởng TCTN. Nội dung tư vấn bao gồm, Trung tâm cung cấp thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp trên địa bàn và cả các tỉnh khác,



cung cấp thông tin vị trí việc làm, mức thu nhập, thời gian làm việc, chế độ phúc lợi nếu có.

Trong thời gian chờ quyết định hưởng TCTN người lao động chưa tìm được việc làm mà đến nhận quyết định hưởng TCTN thì người lao động lại được TVGTVL thông qua buổi khai báo tìm kiếm việc làm hàng tháng theo quy định của BHTN.

**Bảng 2.6. Tình hình thực hiện TV, GTVL cho lao động hưởng TCTN**

Năm	Số lao động được TVGTVL	Tỷ lệ (%)/ Tổng số lao động hưởng TCTN
2010	314	12,50
2011	362	12,56
2012	292	8,56
2013	394	10,88
2014	383	8,52

*Nguồn: Phòng BHTN – TTDVVL Quảng ninh*

Thông qua bảng báo cáo kết quả TVGTVL cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh còn thấp, hàng năm Trung tâm chỉ tư vấn được cho khoảng hơn 300 lao động. Năm 2011 tư vấn được 12,56% năm 2013 được 8,56% và năm 2014 được 10,88% tỷ lệ lao động được hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh.

Qua tìm hiểu phỏng vấn một số lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh thì được biết đa số lao động chỉ đến đăng ký hưởng TCTN sau đó thì không có hoạt động nào khác.

Dưới đây là kết quả của cuộc điều tra phỏng vấn về tình hình công tác tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động

**Bảng 2.7. Tình hình TVGTVL cho lao động đang hưởng TCTN**

Nội dung	Tổng số	
	Số người	Tỷ lệ ( %)
Lao động được TVGTVL	48	39,02
Lao động không được TVGTVL	75	60,98
Tổng số	123	100,00

*Nguồn: Bảng kết quả phỏng vấn B1,B2*

Từ bảng tổng hợp kết quả điều tra phỏng vấn cho thấy, đa số lao động không được tư vấn giới thiệu việc làm chiếm 60,98% tỷ lệ lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động chỉ đến đăng ký hưởng TCTN xong là về sau đó không được hỗ trợ về công tác tìm kiếm việc làm.

#### 2.3.2.2 Hỗ trợ học nghề, đào tạo nghề cho lao động đang hưởng TCTN

Với mục đích giải quyết việc làm và tạo việc làm mới cho người lao động, chính phủ đã có hoạt động hỗ trợ học nghề cho người lao động đang hưởng TCTN, để giúp cho người lao động trong thời gian bị mất việc làm nếu có nhu cầu học nghề để phục vụ cho công tác giải quyết việc làm của bản thân trong thời gian hưởng TCTN .

Hiện nay công tác hỗ trợ học nghề cho người lao động đang hưởng TCTN được Trung tâm tiến hành như sau:

+ Lao động đến nhận quyết định hưởng TCTN, cán bộ phòng Đào tạo trực tiếp tư vấn cho lao động về công tác hỗ trợ học nghề và các lớp đang đào tạo và nhu cầu tuyển sinh hiện nay.

Sau khi được tư vấn, lao động có nhu cầu thì đăng ký hỗ trợ học nghề, và đăng ký ngành nghề muốn học, sau đó cán bộ phòng đào tạo sẽ xem xét khả năng mở lớp nếu được sẽ ra quyết định hỗ trợ học nghề và thông báo cho lao động đến học nghề .

Các lớp đào tạo nghề hiện nay của Trung tâm chủ yếu các lớp ngắn hạn như các lớp trồng hoa, trồng rau, trồng rừng, chăn nuôi gia súc, đối với ngành dịch vụ thì có các lớp nấu ăn, buồng bàn, khách sạn... đối với ngành công nghiệp thì có các lớp sửa chữa ô tô, máy móc, khai thác hầm lò... tất cả các lớp đào tạo chủ yếu trên địa bàn tỉnh mở ra nhằm phục vụ nhu cầu học tập của người lao động.

**Bảng 2.8. Tình hình tư vấn hỗ trợ học nghề cho lao động đang hưởng TCTN**

Nội dung	Tổng số	
	Số người	Tỷ lệ (%)
Lao động được tư vấn hỗ trợ học nghề	42	34,15
Lao động không được tư vấn hỗ trợ học nghề	81	65,85
Tổng số	123	100,00

*Nguồn: Bảng kết quả phỏng vấn B1, B2*

Với kết quả điều tra phỏng vấn lao động về công tác tư vấn hỗ trợ học nghề cho người lao động thì thu được kết quả chỉ có 34,15% được trung tâm tư vấn về hỗ trợ học nghề, còn lại 65,85% tỷ lệ lao động không biết đến công tác hỗ trợ học nghề.

Ngoài những ngành nghề đào tạo hiện có tại Trung tâm, Trung tâm còn phối hợp với tất cả các trường, lớp, cơ sở dạy nghề, đào tạo nghề trên toàn tỉnh để khai thác thêm các ngành nghề khác phục vụ cho nhu cầu học nghề của người lao động.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 11 cơ sở dạy nghề chuyên trách, trong đó có 02 trường cao đẳng nghề, 03 trường trung cấp nghề, 06 trung tâm dạy nghề. Ngoài ra còn có 33 cơ sở khác tham gia dạy nghề. Có 03 cơ sở dạy nghề là Trường Cao đẳng nghề Việt – Hàn Quảng Ninh, trung tâm

dạy nghề Vân Đồn, Đông Triều đang được đầu tư xây dựng, dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2015

**Bảng 2.9. Tình hình lao động đang hưởng TCTN tham gia hỗ trợ học nghề**

<b>Chỉ tiêu ngành, nghề đào tạo</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>
Nghiệp vụ nhà hàng ( buồng, bàn ba)	0	0	0	0	24
Lái xe	0	0	2	0	30

*Nguồn : Phòng dạy nghề - TTDVVL Quảng Ninh*

Kết quả tổng kết công tác dạy nghề cho lao động hưởng TCTN quá ít, qua bảng số liệu trên đây ta thấy được người lao động chủ yếu tập trung học các nghề lái xe, buồng bàn ba, các lớp đào tạo nghề khác như nuôi trồng thủy sản, nông lâm nghiệp, chế biến thủy hải sản..... không có lao động tham gia.

Có 2 ngành hiện nay được lao động chú ý tới đó là nghiệp vụ nhà hàng, và lái xe, đây là 2 ngành thu hút hai đối tượng tham gia, đó là nghiệp vụ nhà hàng tới 100% lao động là nữ học nghề, và lớp học lái xe 100% lao động nam tham gia học nghề.

**Bảng 2.10. Tình hình lao động được hỗ trợ học nghề**

<b>Nội dung</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>Tổng cộng</b>
Số người được hỗ trợ học nghề	0	0	2	0	54	56
Số tiền chi hỗ trợ học nghề cho LD hưởng TCTN (triệu đồng)	0	0	3.300	0	156,000	156,0000

*Nguồn: Báo cáo tổng kết của TTGTVL Quảng Ninh*

Qua bảng tổng kết mức hỗ trợ dạy nghề cho người lao động, cho thấy công tác hỗ trợ học nghề trong thời gian qua của Trung tâm là rất ít, số lượng lao động tham gia học nghề thấp, trong 5 năm chỉ có 56 người tham gia hỗ trợ học nghề, có những năm như 2010,2011,2013 không có được lao động nào tham gia học nghề.

### 2.3.2.3. Kết nối cung cầu lao động (sàn giao dịch việc làm của tỉnh) cho lao động đang hưởng TCTN

Để thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình cùng với việc đáp ứng nhu cầu về việc làm của người lao động ngày càng cao. BLĐTBXH và UBND tỉnh đã phê duyệt cho Trung tâm triển khai “ dự án nâng cao năng lực hoạt động cho TTDVVL Quảng Ninh giai đoạn 2007 -2010”. Ngày 11/4/2009, Trung tâm đã tổ chức khai trương trung tâm thông tin, giao dịch việc làm tại thành phố Hạ Long. Tiếp đến ngày 8/5/2010 khai trương Sàn giao dịch việc làm vệ tinh Móng Cái và ngày 14/7/2010 tại thành phố Uông Bí.

Với nhu cầu về việc làm ngày càng lớn, để thực hiện tốt mục tiêu giải quyết việc làm cho lao động trên toàn tỉnh, TTDVVL Quảng Ninh đã tiến hành xây dựng kế hoạch khai thác thông tin thị trường lao động cũng như xây dựng các biện pháp tuyên truyền cho các doanh nghiệp cũng như người lao động cùng tham gia tìm kiếm thông tin việc làm trên các sàn giao dịch việc làm tại Trung tâm.

**Bảng 2.11. Tình hình lao động biết đến sàn GDVL để tìm kiếm việc làm**

Nội dung	Tổng số	
	Số người	Tỷ lệ ( %)
Lao động có biết đến sàn GDVL	95	77,24
Lao động không biết đến sàn GDVL	28	22,76
Tổng số	123	100,00

Nguồn: Bảng kết quả phỏng vấn B1,B2

Thông qua hoạt động tuyên truyền về hoạt động sàn GDVL, số lao động hưởng TCTN đều biết đến hoạt động này, cũng như biết đến nội dung của phiên giao dịch việc làm diễn ra hàng tháng trên địa bàn tỉnh. Theo kết quả phỏng vấn thì có tới 77,24% lao động đang hưởng TCTN biết đến sàn GDVL, còn lại 22,76% là chưa biết đến và cũng có thể họ không mấy quan tâm nên không để ý đến.

Công tác khai thác thị trường lao động được diễn ra đều đặn hàng tháng, các cán bộ của Trung tâm đến từng doanh nghiệp, từ doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn đến các doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và nhỏ để khai thác nguồn cầu lao động và vận động cũng như mời các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng tại các sàn giao dịch việc làm của trung tâm giới thiệu việc làm

**Bảng 2.12. Tình hình doanh nghiệp tham gia tuyển dụng tại sàn GDVL**

Nội dung	Tổng số	
	Số người	Tỷ lệ ( %)
Doanh nghiệp nhà nước	0	0,00
Doanh nghiệp tư nhân	31	62,00
Doanh nghiệp vừa và nhỏ	19	38,00
Doanh nghiệp quy mô lớn	0	0,00
Tổng số	50	100,00

*Nguồn: Bảng kết quả phỏng vấn B2*

Qua kết quả phỏng vấn lao động đã hết thời gian hưởng TCTN, về các thông tin tuyển dụng cũng như chất lượng tổ chức tại sàn giao dịch việc làm. Đa số lao động đã từng tham gia tìm kiếm việc làm tại sàn cho rằng các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng trên sàn chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, chiếm 38,00% và doanh nghiệp tư nhân chiếm 62,00%

Đi cùng với các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng là vị trí việc làm được Trung tâm khai thác tại các doanh nghiệp này trên địa bàn tỉnh như sau:

**Bảng 2.13. Tình hình thông tin vị trí tuyển dụng lao động trên SGDVL**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2011	2012	2013	2014
DN tham gia tuyển dụng	Lượt	818	820	819	830	832
Vị trí tuyển dụng						
Đại học	Chỉ tiêu	412	385	568	1211	185
Cao đẳng	Chỉ tiêu	630	582	260	2130	353
Trung cấp	Chỉ tiêu	998	1.987	385	2.532	584
Công nhân kỹ thuật	Chỉ tiêu	369	1.246	1.140	7.110	574
Lao động phổ thông	Chỉ tiêu	8.456	2.768	5.747	11.590	8.945
<b>Tổng số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>10.865</b>	<b>6.968</b>	<b>8.100</b>	<b>24.573</b>	<b>10.641</b>

*Nguồn: Trung tâm dịch vụ việc làm Quảng ninh*

Qua bảng tổng hợp về chỉ tiêu việc làm còn trống trên địa bàn tỉnh, chỉ tiêu việc làm cần lao động phổ thông, công nhân kỹ thuật, luôn chiếm tỷ lệ cao. Năm 2010 tỷ lệ chỉ tiêu việc làm cần lao động phổ thông chiếm 77,82%, chỉ tiêu việc làm cần công nhân kỹ thuật chiếm 3,4% , chỉ tiêu việc làm yêu cầu trình độ trung cấp chiếm 9,19%, chỉ tiêu việc làm cần lao động có trình độ cao đẳng chiếm 5,79% chỉ tiêu việc làm trong toàn tỉnh. Trong những năm gần đây chỉ tiêu việc làm cần lao động phổ thông cũng như lao động kỹ thuật sơ cấp luôn chiếm tỷ lệ cao, nhất là vị trí việc làm cần lao động phổ thông luôn chiếm tỷ lệ cao, năm 2013 chỉ tiêu lao động phổ thông chiếm 47,17% chỉ tiêu việc làm cần lao động công nhân kỹ thuật chiếm 28,93% chỉ tiêu việc làm cần lao động trình độ trung cấp (có tay nghề qua đào tạo) chiếm 10,3% chỉ tiêu việc làm cần lao động có trình độ cao đẳng 8,67%. Năm 2014 chỉ tiêu việc làm cần lao động phổ thông chiếm tới 92,51% lao động công nhân

kỹ thuật chiếm 5,4%, chỉ tiêu việc làm cần trình độ trung cấp chiếm 5,4 % và trình độ cao đẳng chiếm 5,5%.

Tần suất hoạt động sàn giao dịch việc làm của TTĐVVL Quảng Ninh hiện nay đang là 4 phiên/tháng, được tổ chức vào ngày mùng 10 và 25 hàng tháng tại thành phố Hạ Long, thành phố Uông Bí và thành phố Móng Cái

Để giúp cho lao động đang hưởng TCTN trên toàn tỉnh, có thể tham gia tìm kiếm việc làm tại sàn giao dịch việc làm. Trung tâm đã đưa ra quy định : Lao động đang hưởng TCTN hàng tháng phải có mặt Trung tâm vào các ngày 10, 25 hàng tháng: thứ nhất là để khai báo thông tin về việc làm hiện tại và đồng thời Trung tâm cũng kết hợp với sàn giao dịch việc làm để tạo điều kiện cho lao động vừa thực hiện nhiệm vụ của mình mà cũng đồng thời tham gia tìm kiếm việc làm trên sàn giao dịch việc làm

**Bảng 2.14. Tình hình lao động thất nghiệp tham gia tìm kiếm việc làm tại sàn GDVL**

Nội dung	Tổng số	
	Số người	Tỷ lệ (%)
Lao động thất nghiệp tham gia tìm kiếm VL tại sàn VL	4	8,00
Lao động thất nghiệp không tham gia tìm kiếm VL tại sàn VL	46	92,00
Lao động tìm được việc làm tại SGDVL	0	0,00
Tổng số	50	100,00

*Nguồn: Bảng kết quả phỏng vấn B2*

Trên đây là kết quả phỏng vấn lao động đã hết thời gian hưởng TCTN, về công tác tìm kiếm việc làm của lao động tại trung tâm thông qua sàn DGVL. Ta thấy, lao động thất nghiệp tìm kiếm việc làm và tham gia tuyển



dụng tại sàn việc làm của Trung tâm là rất thấp chỉ có 8,00% lao động tham gia tìm kiếm việc làm tại đây, đồng thời cùng với đó là số lao động tìm kiếm được việc làm tại sàn việc làm là không có.0%

Lao động sau khi bị mất việc làm, mặc dù có sự hỗ trợ của nhà nước trong việc tạo điều kiện cho người lao động có thông tin, cũng như hỗ trợ trong việc định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho người lao động nhưng người lao động vẫn không mặn mà để đến tìm kiếm việc làm tại trung tâm, đa phần người lao động đi tìm việc làm qua nhiều kênh khác nhau, như thông tin đại chúng, qua bạn bè, hoặc đến trực tiếp các khu công nghiệp để tìm kiếm thông tin việc làm.

#### **2.4. Nhân tố tác động tới công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

##### ***2.4.1. Nhân tố thuộc về cơ chế chính sách HTGQVL cho lao động thất nghiệp***

Công tác hỗ trợ GQVL cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nằm trong chính sách BHTN, chính sách BHTN mới đi vào hoạt động từ 1/1/2009. Chính sách BHTN ra đời nhằm hỗ trợ kinh phí cho người lao động khi bị mất việc làm có kinh phí trang trải cuộc sống trong thời gian mất việc và có cơ hội tìm kiếm được việc làm để quay trở lại thị trường lao động.

Ngoài chính sách giải quyết trợ cấp cho người lao động, chính sách BHTN còn có mục đích là hỗ trợ cho lao động tìm kiếm được việc làm thông qua công tác TVGTVL, công tác hỗ trợ học nghề, công tác kết nối cung cầu lao động thông qua sàn giao dịch việc làm.

Trong công tác thực hiện chính sách BHTN cho người lao động từ năm 2010 đến nay, nội dung của chính sách đưa ra mới đang chỉ chú trọng đến công tác hỗ trợ giải quyết chế độ trợ cấp thất nghiệp cho người lao động, bên

ạnh việc giải quyết chế độ trợ cấp cho người lao động, công tác hỗ trợ GQVL cho người lao động đã bị bỏ quên.

Chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm chưa thực sự thống nhất và ổn định, trong 5 năm thực hiện có tới 3 lần sửa đổi thông tư nghị định.

Trong chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động hưởng TCTN chưa phù hợp, dẫn tới chính sách liên tục sửa đổi về mức hỗ trợ học nghề, đối tượng học nghề, thời gian học nghề.

Mức hỗ trợ học nghề trong thời gian qua còn thấp, các quy định về đối tượng cũng như điều kiện để lao động tham gia học nghề chưa phù hợp dẫn đến một số lượng lao động muốn học nghề nhưng không đủ điều kiện để học nghề.

Chính sách hỗ trợ GQVL chưa đưa ra các hướng dẫn cách thức tổ chức hoạt động để đạt hiệu quả cho công tác HTGQVL....trong khi đó đây là nội dung quan trọng của chính sách BHTN.

#### ***2.4.2. Nhân tố thuộc về cơ quan thực hiện HTGQVL cho người lao động đang hưởng TCTN.***

Công tác hỗ trợ giải quyết việc làm thực sự chưa được các cấp các ngành quan tâm. Các cơ quan thực hiện chỉ làm cho có số liệu để báo cáo, mà không thực sự tiến hành nghiên cứu cũng như đưa ra các giải pháp hỗ trợ giải quyết việc làm có hiệu quả, các cơ quan ban ngành chỉ làm một cách chống đối,

Công tác hỗ trợ GQVL trong những năm qua bị xem nhẹ, nên không được chú trọng đầu tư tổ chức thực hiện. Cơ quan đứng đầu và trực tiếp chỉ đạo công tác hỗ trợ GQVL chưa có các thông tư, công văn hướng dẫn cách thức tổ chức, xây dựng kế hoạch và đánh giá công tác hỗ trợ GQVL cho các cơ quan trực tiếp thực hiện công tác này.

Đối với TTDVVL Quảng Ninh: Quan điểm chủ trương của lãnh đạo Trung tâm mới chỉ dừng ở khâu tổ chức tốt công tác giải quyết trợ cấp thất

nghiệp cho người lao động mà chưa quan tâm đến công tác hỗ trợ GQVL cho người lao động. Do quan điểm và chủ trương chỉ đạo của lãnh đạo dẫn đến công tác TVGTVL cho người lao động chỉ thực hiện mang tính hình thức, hiệu quả không cao, không thu hút được sự quan tâm của người lao động.

Trung tâm không xây dựng nội dung, kế hoạch và các bước tư vấn cho người lao động chưa được cụ thể bằng các quy trình cụ thể... dẫn đến nội dung tư vấn còn hạn chế thậm chí còn không thuyết phục được người lao động. Cũng xuất phát từ việc chưa xem trọng công tác HTGQVL cho người lao động công tác bố trí sắp xếp cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ GQVL còn nhiều bất cập. Đội ngũ cán bộ thiếu kinh nghiệm trong công tác TVGTVL, thiếu kinh nghiệm trong việc tư vấn, hướng nghiệp cho lao động, thiếu kinh nghiệm trong công tác tư vấn tìm kiếm việc làm cho lao động...

Qua tìm hiểu thực tế, một nguyên nhân dẫn đến kết quả tư vấn giới thiệu việc làm thấp là do trình độ nghiệp vụ của cán bộ tư vấn, cán bộ của Trung tâm chưa có nghiệp vụ tư vấn giới thiệu việc làm, chưa nhiệt tình tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động, mặt khác, kinh phí hỗ trợ cho cán bộ tư vấn giới thiệu việc làm không có, cán bộ không được thu phí lên tâm lý của đa số cán bộ là làm cho có lệ, còn không quan tâm đến chất lượng tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động, dẫn đến công tác tư vấn giới thiệu việc làm của Trung tâm không đạt hiệu quả mà chỉ mang tính hình thức.

Các chương trình bồi dưỡng kỹ năng tư vấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ không thường xuyên qua 5 năm thực hiện công tác tổ chức tập huấn cho cán bộ làm công tác hỗ trợ GQVL mới chỉ có 1 lần duy nhất. Từ đó mà các nghiệp vụ cũng như kỹ năng tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động còn hạn chế.

#### ***2.4.3. Nhân tố thuộc về thị trường lao động***

Như ta đã biết thị trường lao động là nơi trao đổi hàng hóa sức lao động, giữa người lao động và người sử dụng lao động. Thị trường lao động có diễn ra sôi nổi hay không là phụ thuộc vào khả năng cung lao động và cầu lao động trên thị trường.

Từ tình hình thất nghiệp trên địa bàn tỉnh trong các năm qua cho thấy, số lượng lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh ngày một lớn, dẫn đến cầu về việc làm trên thị trường lao động tăng, Trung bình hàng năm có khoảng 700 – 800 lao động bị mất việc làm, từ đó mà công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho đối tượng lao động đang hưởng TCTN gặp rất nhiều khó khăn.

Không chỉ có lực lượng lao động thất nghiệp tăng mà chất lượng lao động thất nghiệp thấp, lao động thất nghiệp chủ yếu có trình độ phổ thông, lao động có tay nghề thấp, trong khi nhu cầu sử dụng lao động có trình độ lành nghề trên thị trường lao động cao, khả năng đáp ứng nhu cầu việc làm của người lao động thất nghiệp là kém, gây áp lực cho công tác đào tạo nghề, phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Trong thời kỳ kinh tế đang đậm chân tại chỗ, sản xuất thu hẹp, các công ty thu hẹp sản xuất giải thể, cùng với đó là cổ phần hóa các doanh nghiệp, lượng lao động dư thừa, cầu về lao động thấp, cho nên cung và cầu lao động trên thị trường không cân đối, cung lao động lớn hơn cầu lao động. dẫn đến việc tìm kiếm việc làm cũng như vị trí việc làm cho người lao động để giúp cho họ quay trở lại với thị trường lao động là rất khó khăn. Giá cả hàng hóa sức lao động trên thị trường lao động thấp không thu hút được cung lao động. Mức độ yêu cầu trình độ của người lao động đối với các doanh nghiệp không tạo điều kiện cho các lao động có trình độ thấp tham gia.

#### ***2.4.4. Nhân tố thuộc về người lao động đang hưởng TCTN***

Lao động thất nghiệp chủ yếu có trình độ lao động phổ thông, trình độ lành nghề ở mức sơ cấp nghề. Do đó nhận thức của người lao động còn hạn

chế, người lao động khi bị mất việc làm chỉ quan tâm đến mức trợ cấp thất nghiệp mà không chú trọng tới biện pháp tìm kiếm việc làm mới.

Người lao động không tin tưởng vào công tác TVGTVL của Trung tâm, họ không mấy mặn mà với các công việc của trung tâm đã khai thác được, tỷ lệ này chiếm 45,67%. Với tư tưởng cái gì miễn phí là không có chất lượng mặt khác cũng do trình độ nhận thức của một số lao động, không hiểu biết về các chế độ ưu tiên cho lao động thất nghiệp, họ cứ nghĩ khi tham gia tư vấn và được giới thiệu sẽ mất phí dịch vụ và phí hoa hồng khi được giới thiệu đến doanh nghiệp phỏng vấn. Chính điều này đã làm cản trở họ tham gia vào tư vấn giới thiệu việc làm

Theo tìm hiểu thực tế từ các cán bộ phòng BHTN số lao động hưởng TCTN không tích cực tham gia TVGTVL mà người lao động chỉ đến làm thủ tục hưởng TCTN. Các cán bộ phòng TVGTVL trả lời người lao động không muốn tìm kiếm thông tin việc làm tại Trung tâm, người lao động chưa thực sự hiểu và biết được quyền lợi của mình khi đăng ký hưởng TCTN, quyền được TVGTVL, quyền được hỗ trợ học nghề, quyền được tham gia sàn việc làm tại Trung tâm tất cả những quyền lợi đó giúp cho người lao động tìm được việc làm mà không phải mất bất kỳ một chi phí phát sinh nào.

## **2.5. Đánh giá công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

### ***2.5.1 Kết quả đạt được của công tác HTGQVL cho lao động đang hưởng TCTN***

Công tác HTGQVL cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn toàn tỉnh đã được Trung tâm triển khai một cách rộng rãi tới mọi đối tượng lao động trên địa bàn tỉnh. Các công tác hỗ trợ GQVL được Trung tâm thực hiện rất phong phú và đa dạng, từ khâu tư vấn giới thiệu việc làm đến khâu tổ chức hỗ trợ học nghề, cung cầu lao động trên toàn địa bàn tỉnh, các phương thức tổ

chức cũng được thực hiện một cách linh hoạt và phù hợp với nhu cầu thực tế hiện nay. Từ tuyên truyền trên đài truyền hình, đến trực tiếp tuyên truyền các hoạt động hỗ trợ GQVL đến tận phường xã, đến tận vùng sâu, vùng xa.... Để đến được với người dân.

*\* Về tư vấn giới thiệu việc làm*

Thông qua hoạt động, tuyên truyền vận động công tác hỗ trợ giải quyết việc làm đã đến được với người lao động đang hưởng TCTN.

Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm của Trung tâm DVVL Quảng Ninh đã được người lao động biết tới như một địa chỉ tin cậy cho người lao động, nhờ công tác tuyên truyền rộng rãi khắp các phường, xã, địa phương, nhất là các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Người lao động được tư vấn giới thiệu việc làm miễn phí, không bị mất bất cứ loại phí dịch vụ nào, người lao động còn được tiếp nhận các thông tin tuyển dụng, hoạt động này được diễn ra hàng ngày tại các đại diện của Trung tâm GTVL

*\* Đối với công tác hỗ trợ học nghề*

Công tác hỗ trợ học nghề cũng được Trung tâm chú trọng tới, người lao động đến đăng ký hưởng TCTN được cán bộ Trung tâm tư vấn về hỗ trợ học nghề, nội dung tư vấn gồm có ngành nghề đào tạo, mức phí hỗ trợ từng ngành nghề, thời gian hỗ trợ.... Bước đầu cũng đã có kết quả, mặc dù là thấp nhưng cũng cho thấy sự quyết tâm thực hiện công tác hỗ trợ học nghề cho người lao động

*\* Công tác hỗ trợ kết nối cung cầu lao động ( Sàn giao dịch việc làm)*

Trước nhu cầu tìm kiếm việc làm ngày càng cao, công tác tổ chức sàn giao dịch việc làm đã được tổ chức thường niên ổn định với số lượng 4 sàn\ 1 tháng diễn ra trên 3 thành phố lớn của tỉnh, đó là thành phố Hạ Long, thành phố Móng Cái, thành phố Uông bí.

Số lượng lao động đến tìm kiếm việc làm bình quân mỗi sàn có khoảng 200- 350 lao động đến tham gia tuyển dụng. Trong đó tỷ lệ lao động đang hưởng TCTN cũng tham gia vào việc tìm kiếm việc làm trên sàn GDVL.

Số doanh nghiệp tham gia tuyển dụng trên sàn việc làm ngày càng nhiều, cùng với đó chỉ tiêu việc làm trên sàn GDVL cũng rất lớn, đây là cơ hội cho người lao động tìm kiếm được việc làm một cách dễ dàng.

### ***2.5.2. Tồn tại và nguyên nhân của công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN***

#### ***\* Tồn tại***

Từ những kết quả đã đạt được trong thời gian qua, có thể nói đó là sự cố gắng và nỗ lực của Trung tâm Dịch vụ việc làm cùng với sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Sở lao động TBXH đối với công tác HTGQVL nhưng bên cạnh những thành quả đạt được đi kèm với đó còn những tồn tại và nguyên nhân dẫn đến công tác HTGQVL trên địa bàn tỉnh chưa thực sự đạt hiệu quả cao như mục tiêu của chính sách BHTN đề ra.

*Một là:* Việc nhận thức cũng như là coi trọng công tác HTGQVL cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh chưa được các cơ quan thực hiện công tác này chú trọng và quan tâm mà mới chỉ tập chung vào công tác giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho người lao động.

*Hai là:* Việc xác định nhu cầu HTGQVL của nhóm đối tượng này chưa được thực hiện dẫn đến công tác lập kế hoạch để hỗ trợ GQVL cho nhóm đối tượng này khó khăn, không nắm bắt được số lượng cung lao động, để từ đó khai thác cầu lao động trên thị trường lao động,

*Ba là:* Kỹ năng thực hiện công tác HTGQVL cho người lao động của người cán bộ chưa có, như kỹ năng về TVGTVL, tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm... từ đó mà khả năng tư vấn giúp cho người lao động hiểu và tham gia công tác HTGQVL bị hạn chế.

Thông qua cuộc phỏng vấn lao động về nội dung TVGTVL tại Trung tâm của người lao động thấy rõ hơn về mặt hạn chế của cán bộ thực hiện công tác TVGTVL.

### **Ý kiến của người lao động về công tác TVGTVL tại trung tâm**

- Em được các chị hướng dẫn đến phòng TGTVL để đăng ký TVGTVL, tại phòng tư vấn, e được các anh chị đưa cho danh sách các đơn vị đang cần tuyển dụng và bảo em, em xem ngành nghề nào hợp mà muốn xin việc thì điền thông tin vào phiếu này rồi Trung tâm sẽ gửi tới doanh nghiệp cho em.

*NLD : Phạm Thị Phương Thảo- Nam sơn- Cẩm sơn- Cẩm Phả -Qn*

- Tôi đến Trung tâm đăng ký hưởng TCTN, khi tôi đăng ký chế độ BHTN xong, các anh chị làm BHTN yêu cầu tôi điền vào “ phiếu đề nghị tư vấn giới thiệu việc làm”, xong là tôi ra về. Trong suốt quá trình hưởng TCTN tôi không được tư vấn gì hơn nữa và tôi cũng không biết mình còn được hưởng quyền lợi gì nữa.

*Chị Nguyễn Thị Liên địa chỉ: Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh*

- Tôi đến đăng ký hưởng TCTN, các anh chị yêu cầu tôi vào phòng TVGTVL để được tư vấn và giới thiệu việc làm. Tôi đến phòng TVGTVL, anh cán bộ đưa cho tôi “phiếu đề nghị tư vấn giới thiệu việc làm”, và yêu cầu tôi điền các thông tin vào phiếu, và trong suốt thời gian hưởng TCTN tôi không thấy mình được tư vấn gì khác.

*NLD: Phùng Thái Thụ : ĐC: Phường Việt Hưng, TP Hạ Long, QN*

*Bón là:* Các lớp đào tạo nghề cho người lao động chưa đáp ứng kịp với nhu cầu, mong muốn của người học cả về số lượng và chất lượng. Các cơ sở dạy nghề của Trung tâm cũng như trên toàn tỉnh không khai thác và mở rộng ngành nghề đào tạo mới để đáp ứng nhu cầu của người lao động. Các ngành



nghề hiện nay chỉ chú trọng đến đối tượng là lao động nông thôn, các lớp đào tạo chủ yếu là chăn nuôi, trồng trọt, trong khi đó lao động thất nghiệp chủ yếu ở các thành phố lớn, họ muốn các lớp học về các nghề dịch vụ, buôn bán nhỏ lẻ để tự tạo ra việc làm mới cho bản thân, thì những lớp hỗ trợ học nghề về lĩnh vực này lại không có

Mặt khác các ngành nghề hiện nay trên toàn tỉnh vẫn chỉ có các ngành nghề tập trung vào ngành công nghiệp khai thác than khoáng sản, và các ngành nghề đào tạo cho lao động nông thôn, như trồng hoa, trồng lúa, nuôi cá..... đây là những ngành nghề chỉ phù hợp với lao động khu vực nông thôn, trong khi đó lao động thất nghiệp sống tập trung ở các thành phố lớn, các thị trấn, cho nên khi tư vấn các lớp học ngành nghề này sẽ không thu hút được lao động tham gia. Theo kết quả điều tra cho thấy có 31,91% tỷ lệ lao động có nhu cầu học nghề nhưng lại không có ngành nghề phù hợp với bản thân. (**kết quả bảng hỏi B1**)

#### **Ý kiến của người lao động muốn học nghề**

Trong thời gian mất việc làm tại nhà máy đóng tàu vinashin Hạ Long, em không muốn làm công nhân nữa, em muốn chuyển đổi nghề, em thấy dịch vụ gội đầu massag rất nhiều ở bên khu du lịch, em muốn học nghề đó để em tự mình mở cửa hàng cho riêng mình, nhưng tiếc là Trung tâm không có lớp học đó.

NLD: Mai Thị Thu Phương; ĐC: Phường Hà Lâm – Hạ Long

Qua tìm hiểu và phỏng vấn các cán bộ làm công tác hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động hưởng TCTN về các ngành nghề đào tạo chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện nay cho thấy, các lớp dạy nghề hiện nay chủ yếu dành cho lao động nông thôn, và lao động thanh niên tại các xã, phường, các

ngành nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng rau, trồng hoa, ... chủ yếu mở ra dạy nghề cho lao động nông thôn theo các đơn đặt hàng của các huyện, xã.

*Năm là:* Trình độ tổ chức, cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng để đáp ứng nhu cầu hoạt động tổ chức sàn giao dịch việc làm còn yếu kém, khả năng đáp ứng nhu cầu tổ chức sàn giao dịch việc làm cho các doanh nghiệp lớn là chưa đáp ứng kịp với nhu cầu thực tế của thị trường lao động

*Sáu là:* Việc liên kết với các doanh nghiệp trong vấn đề cung ứng lao động mới chỉ dừng lại ở việc giới thiệu lao động đến doanh nghiệp phỏng vấn mà chưa quan tâm đến kết quả của công tác cung ứng lao động, chưa thực sự tạo ra được mối quan hệ chặt chẽ giữa việc cung ứng lao động của Trung tâm với doanh nghiệp, để nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc làm cho lao động thất nghiệp.

**\* Nguyên nhân:**

- Chính sách BHTN mới đi vào đời sống của người lao động được 5 năm, nên kinh nghiệm chỉ đạo thực thi các nội dung của chính sách còn hạn chế đặc biệt là nội dung trong công tác HTGQVL cho lao động hưởng TCTN gần như là bị "bỏ quên", từ đó mà việc nhận thức, cũng như thực hiện công tác này của các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chỉ mang tính hình thức .

Kinh nghiệm thực hiện công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho các đối tượng hưởng TCTN của lãnh đạo Bộ và Cục việc làm còn non trẻ vì đây là một chính sách hoàn toàn mới đối với nước ta. Chính vì thế công tác thanh tra kiểm tra giám sát công tác hỗ trợ GQVL chưa được thực hiện, công tác giám sát cũng chỉ qua số liệu báo cáo dẫn đến tình trạng làm việc theo kiểu có số liệu để báo cáo, còn không quan tâm đến chất lượng của công tác.

- Mức kinh phí hỗ trợ cho công tác giải quyết việc làm còn thấp chưa phù hợp với tình hình thực tế đặc biệt là kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề quá thấp nhất là giai đoạn 2010- 2013 chỉ có 300.000đồng/tháng/ người, chính

sách ban hành mức hỗ trợ học nghề cho đối tượng hưởng TCTN không ổn định, liên tục thay đổi.

Mức hỗ trợ cho lao động học nghề, với mức hỗ trợ kinh phí này không kích thích được lao động học nghề. Theo điều tra, về công tác hỗ trợ học nghề được người lao động cho biết:

**Bảng 2.15. Những vấn đề ảnh hưởng tới công tác hỗ trợ học nghề**

Nội dung	Tổng số	
	Số người	Tỷ lệ ( %)
Thiếu tiền trang trải cho đào tạo, học nghề	24	51,06
Không có nghề phù hợp với nhu cầu đào tạo của bản thân	15	31,91
Trường, lớp đào tạo quá xa	8	17,02

*Nguồn: Bảng kết quả phỏng vấn B1)*

Phạm vi đối tượng hưởng hỗ trợ học nghề cũng bị bó hẹp, chỉ dành cho những người có đủ điều kiện hưởng TCTN mới được tham gia học nghề, còn những người mặc dù vẫn tham gia BHTN nhưng chưa đủ điều kiện hưởng thì ko được hưởng. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các lớp hỗ trợ học nghề không thể thu hút được lao động tham gia học nghề.

- Các Trung tâm, cơ sở dạy nghề trên toàn tỉnh hiện nay chủ yếu là đào tạo theo đơn đặt hàng của các khối đoàn thể, địa phương, khả năng liên kết đào tạo giữa người lao động và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là không có, từ đó mà không nắm bắt được nhu cầu ngành nghề đang khan hiếm trên thị trường để liên kết tuyển sinh và đào tạo nghề cho lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm.

Số lao động đăng ký thường không tập trung về ngành nghề đào tạo, thời gian đào tạo gây khó khăn cho cơ sở dạy nghề trong việc tiếp nhận học viên và mở lớp dạy nghề

- Thị trường lao động trên địa bàn tỉnh đang trong giai đoạn giậm chân tại chỗ, các doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, giải thể sát nhập, cũng từ đó mà dẫn đến khả năng cung ứng giới thiệu việc làm cho người lao động gặp khó khăn,

- Nhận thức của người lao động còn hạn chế họ chưa thực sự quan tâm đến công tác HTGQVL mà họ mới chỉ quan tâm đến khoản trợ cấp thất nghiệp khi họ bị mất việc làm.

- Sự phối kết hợp giữa các cơ sở ban ngành trong địa bàn của tỉnh về công tác HTGQVL là chưa có, hiện nay mới chỉ có TDVVL là cơ quan trực tiếp thực hiện và tiến hành công tác HTGQVL, còn các cơ quan ban ngành khác quá thờ ơ với hoạt động này.

### **CHƯƠNG 3**

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

#### **3.1. Dự báo lao động thất nghiệp của toàn tỉnh đến năm 2020**

Theo kế hoạch mục tiêu phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, trong đó có vấn đề xã hội. Theo dự báo dân số của Tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 - 2020 tăng 0,96%, và cũng theo dự báo dân số và cung cầu lao động đến năm 2020 dân số của tỉnh là 1.286.000 nghìn người, trong đó độ tuổi lao động từ 15 tuổi trở lên ước khoảng 803.400 người, và lao động làm việc trong nền kinh tế quốc dân đến năm 2020 là 762.500 người. và việc làm thì mục tiêu đưa ra là tiếp tục tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi lao động khu vực thành thị đến năm 2020 mở mức dưới 4%, Như vậy lực lượng lao động ngày một tăng, nguy cơ lao động bị mất việc làm cũng lớn.

cùng với tình hình dự báo về lao động việc làm của Sở lao động- thương binh và xã hội tỉnh đến năm 2020 là lao động có việc làm 795.000 người và tỷ lệ lao động không có việc làm là 1,05% trong tổng số lao động trong độ tuổi lao động.

Căn cứ vào số lượng lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh đến đăng ký hưởng TCTN qua các năm từ năm 2010 đến 2014 cho thấy, trung bình mỗi năm tăng thêm 736 lao động đến đăng ký hưởng TCTN. Mặt khác với cơ chế chính sách của BHTN quy định về đối tượng lao động hưởng TCTN chưa chặt chẽ cho nên số lượng lao động thất nghiệp quay trở lại hưởng lần 2, lần 3... là rất lớn do đó dự báo tình hình lao động thất nghiệp đến năm 2020 sẽ là tương đối lớn.

### **3.2. Xác định mục tiêu hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020.**

Theo dự báo về lực lượng lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 có xu hướng tăng, do đó cần phải xác định mục tiêu hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Để đem lại kết quả như mục đích ban đầu của chính sách BHTN là giúp cho người lao động có cơ hội tìm kiếm được việc làm để quay trở lại tham gia vào thị trường lao động, cùng với số lượng lao động thất nghiệp ngày một tăng trung bình hàng năm là 736 lao động, với tốc độ tăng lao động thất nghiệp này ước tính đến năm 2020 là khoảng hơn 4 ngàn lao động. Trong khi đó số lượng lao động thất nghiệp chủ yếu là lao động phổ thông, trình độ tay nghề thấp 50-55% tổng số lao động thất nghiệp trên toàn tỉnh. Cùng với đó là khoa học kỹ thuật ngày một tiến bộ, trình độ tay nghề người lao động không đáp ứng kịp thời với sự phát triển này, để công tác HTGQVL đạt được kết quả cao, trước hết cần phải nâng cao trình độ tay nghề cũng như nhận thức, ý thức về việc làm của người lao động từ đó mới có thể hỗ trợ cho lao động có được việc làm ổn định. Để làm được điều này Trung tâm cần phải xây dựng kế hoạch hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Với các mục tiêu là:

- + Tư vấn, giới thiệu việc làm cho 100% lao động đến đăng ký hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh, giới thiệu được việc làm cho khoảng 1.500 - 2.000 lao động hưởng TCTN rút ngắn thời gian tìm kiếm việc làm cho người lao động.

- + Tư vấn hỗ trợ học nghề cho 100% lao động đến đăng ký hưởng TCTN, hỗ trợ dạy nghề cho khoảng 800- 1.000 lao động có trình độ tay nghề thấp, lao động phổ thông, để họ có thể dễ dàng trong việc tìm kiếm việc làm mới.

- + Nâng tỷ lệ lao động tham gia tìm kiếm việc làm tại sàn giao dịch việc

làm 65% tổng số lao động hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh.

+ Nâng cao năng lực tổ chức sàn giao dịch việc làm phân đấu đưa được 70% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh kể cả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có quy mô lớn tham gia tuyển dụng trên sàn giao dịch việc làm, tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho lao động hưởng TCTN.

### **3.3. Hoàn thiện xác định nhu cầu hỗ trợ GQVL của lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh.**

Để có các kế hoạch, cũng như phương hướng hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh, trước hết Trung tâm phải xác định được nhu cầu tìm kiếm việc làm của nhóm đối tượng này. Như phân tích ở trên, lao động thất nghiệp có nhiều nhóm thất nghiệp, thất nghiệp do cơ cấu, thất nghiệp do mất việc làm, có những người thất nghiệp do không có nhu cầu làm việc. Để công tác hỗ trợ GQVL cho đúng đối tượng có nhu cầu, cần phải xác định được số lượng lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm, từ đó mới phân tích nhu cầu về việc làm, trình độ, tay nghề, mức thu nhập, sau đó xây dựng kế hoạch hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho nhóm đối tượng này.

Việc xác định nhu cầu tìm kiếm việc làm của lao động thông qua, số lượng lao động đến đăng ký hưởng TCTN tại Trung tâm, Trung tâm cần xây dựng quy trình thực hiện điều tra nhu cầu việc làm thực tế của lao động đang hưởng TCTN bằng cách lập biểu mẫu nhu cầu tìm kiếm việc làm (**phục lục 1**), gồm có vị trí việc làm, ngành nghề, trình độ tay nghề. Mức thu nhập bình quân sau đó phát cho người lao động khi đến đăng ký hưởng TCTN.

Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ GQVL của người lao động, tiến hành phân loại đối tượng lao động có nhu cầu hỗ trợ về giải quyết việc làm

- + Nhóm đối tượng lao động phổ thông.
- + Nhóm đối tượng lao động nông thôn, thành thị
- + Nhóm đối tượng lao động có trình độ cao đẳng đại học

Phân loại nhu cầu hỗ trợ đối với từng hoạt động như có bao nhiêu người có nhu cầu về TVGTVL, bao nhiêu người cần hỗ trợ học nghề, bao nhiêu người cần được hỗ trợ kết nối cung – cầu lao động...:

Trên cơ sở số lượng lao động cần sự hỗ trợ GQVL tiến hành xây dựng kế hoạch, nội dung, quy trình thực hiện, cách thức thực hiện các hoạt động để hỗ trợ cho người lao động phù hợp với nhu cầu của từng nhóm đối tượng.

### **3.4. Hoàn thiện một số giải pháp hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng ninh.**

#### **3.4.1. Đối với hệ thống chính sách**

*3.4.1.1. Xác định lại nhiệm vụ trọng tâm của chính sách BHTN trong thời gian tới là đẩy mạnh công tác HTGQVL cho lao động hưởng TCTN.*

Mỗi một chính sách được ban hành, việc nhận thức và thực hiện nhiệm vụ của mỗi chính sách là phải hài hòa tất cả các nội dung của chính sách, không được coi trọng hoặc xem nhẹ một nhiệm vụ nào, bởi mục tiêu của chính sách đề ra là nhằm phối kết hợp hài hòa giữa các nội dung với nhau, để từ đó thu được kết quả cao cũng như đạt được mục tiêu và mục đích của chính sách đề ra.

Việc xác định lại nhiệm vụ trọng tâm của chính sách BHTN nhằm thay đổi nhận thức của các cơ quan, ban, ngành, tổ chức, người lao động nhận thức rõ được tầm quan trọng của công tác HTGQVL cho lao động hưởng thất nghiệp mới là mục đích chính và mang tính nhân văn của chính sách BHTN mà Chính phủ ta muốn mang lại cho người lao động.

Xác định lại nhiệm vụ trọng tâm của chính sách BHTN từ đó khai thông cách nhìn nhận đúng về nhiệm vụ thực thi công tác HTGQVL của các cơ quan, ban ngành, tổ chức, đoàn thể. Giúp cho các cơ quan ban ngành thực thi công tác HTGQVL có nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể, không mơ hồ trong cách thực hiện công tác HTGQVL cho lao động hưởng TCTN.



*3.4.1.2. Hoàn thiện hệ thống các Thông tư, Nghị định hướng dẫn thực hiện và thi hành Luật việc làm trong đó có nội dung về HTQGVL cho người lao động.*

Như chúng đã biết ngày 16/11/2013 Luật việc làm đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa III, kỳ họp thứ 6 thông qua và kể từ ngày 1/1/2015 bắt đầu có hiệu lực.

Đây là luật quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm, hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động hưởng TCTN cũng nằm trong các nội dung quy định của bộ Luật này.

Các Thông tư, Nghị định cần nhanh chóng đưa ra các hướng dẫn cụ thể, các nội dung của Luật việc làm, hướng dẫn cách thức thực hiện các nội dung đó, đồng thời phân công trách nhiệm thực thi nội dung của Luật việc làm đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người lao động,

Quy định rõ mức kinh phí cho hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm và cán bộ của trung tâm giới thiệu việc làm đối với công tác HTGQVL cho lao động hưởng TCTN.

### ***3.4.2. Đối với các hoạt động cơ bản của công tác hỗ trợ giải quyết việc làm***

*3.4.2.1. Đối với công tác TVGTVL cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh:*

a. Trung tâm cần xây dựng kế hoạch, quy trình tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh.

Từ khi thực hiện chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, Trung tâm mới chỉ chú trọng tới khâu giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho lao động, chưa chú trọng tới khâu hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động này, chính vì thế, để hoạt động hỗ trợ đạt kết quả cao, cần phải xây dựng kế hoạch, nội dung, quy trình thực hiện cụ thể rõ

ràng, có mục tiêu, có chiến lược, có kiểm tra đánh giá rút kinh nghiệm đưa hoạt động hỗ trợ GQVL để từ đó mới đạt được hiệu quả trong công tác này.

Dựa trên số liệu tổng hợp về nhu cầu HTGQVL của người lao động trong quá trình điều tra nhu cầu của người lao động, lấy đó làm căn cứ để xây dựng kế hoạch TVGTVL .

Xây dựng quy trình thực hiện nhằm để phân công nhiệm vụ rõ ràng của các bộ phận, phòng ban, và sự phối kết hợp của các bộ phận để thực hiện công tác TVGTVL đạt hiệu quả cao, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm cho ai, và người lao động sẽ nắm rõ được các bước thực hiện khi đến Trung tâm TVGTVL.

b. Nội dung tư vấn, giới thiệu việc làm cần phải được điều chỉnh, mở rộng và phong phú hơn từ đó mới thu hút sự quan tâm và chú ý của nhóm đối tượng lao động này.

Từ trước tới nay, Trung tâm mới chỉ đang thực hiện có nội dung giới thiệu việc làm cho các doanh nghiệp cần tuyển dụng. Với các nội dung này, người lao động đã không còn mặn mà với cách tư vấn này, vì thông tin tuyển dụng lao động được lan truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thậm chí có những doanh nghiệp đưa thông báo tuyển dụng ngay trên đơn vị mình, người lao động dễ dàng tiếp cận được với thông tin tuyển dụng, để hỗ trợ cho lao động cũng như thu hút được lao động tham gia công tác tư vấn, giới thiệu việc làm. Trung tâm cần phải thay đổi nội dung của trương trình tư vấn như:

Ngoài những nội dung về thông tin doanh nghiệp, Trung tâm cần xây dựng thêm nội dung về tư vấn hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp, cách thức lập nghiệp, và cách thức tự tạo việc làm, cách thức tổ chức quản lý hoạt động sản xuất cá nhân, hộ gia đình, cho chính bản thân người lao động.

Song song với các định hướng nghề nghiệp, cần đẩy mạnh công tác tư vấn về Luật lao động, Luật việc làm để người lao động nắm bắt được các

thông tin quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia lao động ( các thông tin về quy định Hợp đồng lao động, các chế độ về phúc lợi xã hội, tiền lương, BHXH, BHYT, ...)

Nội dung tư vấn, giới thiệu việc làm rất quan trọng, nó là yếu tố giúp cho người lao động có cơ hội tìm kiếm được việc làm, lựa chọn được nghề nghiệp, giúp cho người lao động sẽ định hướng được phương thức tìm kiếm việc làm. Chính vì thế mà cần phải thay đổi nội dung TVGTVL cho phù hợp với nhu cầu cũng như mong muốn hiểu biết của người lao động, có như thế mới thu hút được sự quan tâm và chú ý của người lao động.

c. Thay đổi cách thức TVGTVL tạo ra môi trường tiếp nhận thông tin rộng rãi hơn, kích thích tinh thần trao đổi, thảo luận, thắc mắc, giải thích các vấn đề liên quan đến công tác HTGQVL cho lao động.

Từ trước tới nay với cách thức tư vấn riêng cho từng đối tượng lao động, và khi có người lao động có nhu cầu cần tư vấn, thì bộ phận TV, GTVL sẽ tư vấn riêng cho từng người, nhưng đối với lao động đang hưởng TCTN, Trung tâm là cơ quan quản lý về đối tượng, trong thời gian hưởng TCTN, Trung tâm chủ động bố trí sắp xếp được lao động tới Trung tâm theo yêu cầu cho nên, để tạo ra môi trường trao đổi thông tin nghề nghiệp, thông tin việc làm, Trung tâm cần phân loại nhóm đối tượng sau đó bố trí tiến hành tư vấn, giới thiệu việc làm cho một nhóm đối tượng có cùng trình độ, cùng chuyên môn, ngành nghề. Tạo ra một buổi tư vấn việc làm tập thể để người lao động có nhiều người cùng đưa ra các suy nghĩ, tư tưởng các ý kiến, và cùng bàn luận tự trao đổi thông tin với nhau, tham khảo ý kiến của nhau, cũng như bàn luận về các vấn đề việc làm có liên quan từ đó đưa ra được các quyết định cho bản thân người lao động, và với biện pháp này mới thu hút được người lao động tham gia tư vấn, giới thiệu việc làm.

*3.4.2.2 Đối với công tác hỗ trợ học nghề cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh:*

a. Khảo sát nghiên cứu mở rộng quy mô cả về chất lượng và số lượng đào tạo nghề để nâng cao chất lượng dạy nghề cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh.

Qua thực trạng công tác hỗ trợ học nghề, đào tạo nghề cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua cho thấy, các lớp học chưa đáp ứng được nhu cầu cả về số lượng và chất lượng dạy nghề cho người lao động dẫn đến người lao động không mặn mà với công tác hỗ trợ học nghề.

Đào tạo nghề được xem là yếu tố quan trọng trong việc tạo ra một đội ngũ nhân lực có đủ trình độ và khả năng đáp ứng công việc trên thị trường lao động. Đặc biệt hệ thống đào tạo nghề cần được trở thành một mắt xích quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, điều chỉnh cơ cấu đào tạo đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường trong thời kỳ chuyển đổi và hội nhập kinh tế thế giới.

Vì vậy đào tạo nghề cần phải đào tạo dựa trên nhu cầu thực tế ( nhu cầu của thị trường ), xu hướng phát triển kinh tế trọng tâm vào các ngành nghề mà tỉnh tập trung đầu tư đẩy mạnh phát triển.

- Cần điều tra khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động, cùng với việc nắm bắt xu hướng phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ninh, xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành nghề để có kế hoạch xây dựng các ngành nghề đào tạo cho phù hợp với tình hình phát triển của tỉnh.

Muốn đạt được mục tiêu đó Trung tâm cần mạnh dạn mở các lớp dạy nghề mới phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội, với các mục tiêu. Cùng với đó là đa dạng hóa các hình thức đào tạo như: chính quy, dài hạn, đào tạo nghề ngắn hạn, đào tạo trong các làng nghề.... Để đáp ứng nhanh với nhu cầu học nghề của người lao động.

b. Cần phân luồng lao động đang hưởng TCTN để tư vấn hỗ trợ học nghề cho người lao động hướng người lao động tự tạo việc làm cho chính bản thân mình.

+ Đối với lao động có trình độ phổ thông tay nghề thấp cần tư vấn các lớp hỗ trợ học nghề để nâng cao trình độ tay nghề, tham gia học tập nâng cao trình độ cũng như nâng cao tay nghề cho tương lai.

+ Đối với lao động sống tại các vùng nông thôn, vùng núi,... Cần tư vấn các lớp học nghề dành cho lao động nông thôn, các lớp phát triển kinh tế trang trại, kinh tế VAC, để khuyến khích lao động tham gia học nghề, khuyến khích chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, tự tạo việc làm cho chính bản thân người lao động. Trung tâm nghiên cứu mở các lớp đào tạo về trồng rừng, trồng các loại cây ngắn ngày mang lại lợi nhuận kinh tế cao.

+ Đối với lao động có trình độ tay nghề thấp sống tại thành thị, cần tư vấn các lớp về kinh doanh hộ gia đình, các lớp matssa, gói đầu trang điểm, phụ vụ dịch vụ du lịch.....

c. Đổi mới phương pháp đào tạo nghề bằng cách

+ Hoạt động đào tạo nghề cần xây dựng và mở rộng nội dung đào tạo mới, ngoài những nội dung về lý thuyết cần xây dựng các kỹ năng thực hành, cần xây dựng các lớp tập huấn, hội thảo....

+ Đổi mới cách thức đào tạo, dạy nghề theo đó là tiếp tục đổi mới các hình thức đào tạo nghề, thời gian mở lớp nghề, chương trình giảng dạy gắn lý thuyết với thực hành, và thực tế các mô hình phát triển kinh tế gia đình, kinh tế trang trại.... mô hình phát triển du lịch sinh thái, mô hình trồng và khai thác rừng hiệu quả.... Có như thế mới gây được hứng thú học nghề cho người lao động tham gia.

d. Phối kết hợp đào tạo nghề cho lao động đang hưởng TCTN với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Phối hợp tốt giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong đào tạo từ việc tuyển sinh, xác định mục tiêu đào tạo, xây dựng chương trình giáo trình, tạo điều kiện cho người học được thực hành tại doanh nghiệp và giới thiệu việc làm cho doanh nghiệp cần tuyển dụng.

+ Đào tạo ngành nghề cho người lao động phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng lao động thực sự của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, từ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đồng thời dựa trên nhu cầu thực tế của người lao động chứ không phải là của các hoạt động có tính phong trào nhất thời, vì vậy công tác điều tra, khảo sát nhu cầu phải được thực hiện thường xuyên, nắm chắc các nhu cầu thực tế theo từng nghề, nhóm nghề, vị trí công việc) của người lao động và người sử dụng lao động

+ Cũng như công tác tư vấn giới thiệu việc làm, trung tâm cần có sự liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp trên toàn tỉnh, để kết hợp với việc đào tạo ngành nghề, cũng như sau khi đào tạo nghề xong, trung tâm tiến hành hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho lao động sau khi học nghề xong như giới thiệu việc làm cho lao động đến những doanh nghiệp cần tuyển dụng những ngành nghề mới đào tạo. Có như thế kết quả công tác hỗ trợ giải quyết việc làm mới đạt kết quả cao, từ đó người lao động tin tưởng vào công tác này mà tích cực tham gia hoạt động tìm kiếm việc làm,

+ Làm tốt công tác dự báo nguồn nhân lực: Khi có dự án đầu tư phải có phân phương án, kế hoạch chuẩn bị nguồn nhân lực (số lượng, cơ cấu ngành nghề, trình độ, kinh phí đào tạo, dự kiến nguồn tuyển). Các doanh nghiệp khi thành lập phải có phương án nhân lực, có kế hoạch nhân lực, dự báo nhu cầu nhân lực. Các thông tin phải được tổng hợp và gửi đến cơ quan quản lý lao động từ đó có kế hoạch thu hút lao động đang hưởng TCTN tham gia đào tạo và tuyển dụng tại các doanh nghiệp đó.

Việc giải quyết việc làm không chỉ có riêng TTGTVL, mà cần có sự vào cuộc của tất cả các ban ngành đoàn thể, trong công tác đào tạo nghề, đối với những lao động ở vùng xa, hoặc cách xa trung tâm thành phố cần có sự phối hợp của các cơ sở dạy nghề của địa phương trong việc dạy nghề cho lao động này.

e. Đào tạo nghề nhằm chuyển đổi nghề nghiệp xúc tiến tìm kiếm đối tác để xuất khẩu lao động.

Bên cạnh việc hỗ trợ dạy nghề để chuyển đổi nghề nghiệp, việc dạy nghề cần chú trọng tới khâu xuất khẩu lao động. Trong thời gian qua, việc hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động thất nghiệp mới chỉ hướng tới hỗ trợ cho lao động tìm việc làm chưa hướng tới việc tìm kiếm các hợp đồng lao động xuất khẩu lao động. Đây là giải pháp hỗ trợ giải quyết việc làm trực tiếp cho lao động. Trung tâm cần xúc tiến việc tìm kiếm các hợp đồng xuất khẩu lao động, kết hợp với hỗ trợ học nghề, tiếng cho lao động, cùng kết hợp với đơn vị xuất khẩu lao động, tạo điều kiện cho lao động xuất khẩu ra các nước khác để tìm kiếm việc làm.

g. Nâng cao nhận thức cho người lao động về công tác hỗ trợ học nghề, bằng cách tư vấn, tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức của người lao động về công tác hỗ trợ đào tạo nghề nhằm nâng cao trình độ tay nghề, giúp cho người lao động có cơ hội tiếp cận với nghề nghiệp mới, với thu nhập ổn định khi tham gia và thị trường lao động, cùng với đó còn định hướng nghề nghiệp, và nâng cao khả năng tự chuyển đổi ngành nghề và tự tạo việc làm mới cho bản thân nếu không muốn đi làm cho doanh nghiệp hay tổ chức nào khác mà muốn tự tạo việc làm từ chính gia đình họ.

*3.4.2.3. Nâng cao chất lượng các phiên giao dịch việc làm trên địa bàn tỉnh.*

- Kết hợp chặt chẽ với các Doanh nghiệp để khai thác chỗ việc làm trống, tìm hiểu các kế hoạch và nhu cầu tuyển dụng của Doanh nghiệp. Tổ chức phiên giao dịch việc làm riêng cùng với các hình thức đào tạo mới để tăng cường cơ hội cho người lao động gặp gỡ, kết nối cung cầu

- Cần nghiên cứu và xây dựng kế hoạch tổ chức các phiên giao dịch việc làm theo chủ đề, phối hợp với các cơ quan, đối tác có nhu cầu tuyển dụng thực và số lượng lớn để tăng tỷ lệ kết nối cung cầu lao động

- Xây dựng tổ chức mô hình sàn giao dịch việc làm di động tới các xã, huyện, thị trấn những nơi cách xa sàn giao dịch chính của tỉnh, tạo điều kiện cho những lao động thất nghiệp cũng như các doanh nghiệp trên địa bàn xã, huyện ở xa địa điểm sàn của tỉnh có điều kiện trực tiếp tham gia sàn giao dịch việc làm.

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, dự báo xu hướng việc làm, nhu cầu của người sử dụng lao động, đồng thời cung cấp đầy đủ các thông tin về dự báo kinh tế, triển vọng đầu tư, các dự án phát triển, trên cơ sở đó các doanh nghiệp sẽ dự kiến phát triển kinh tế, nhu cầu nguồn nhân lực và chủ động xây dựng các kế hoạch nhân lực của mình. Đặc biệt cần đầu tư công tác thống kê, phân tích dữ liệu thông tin thị trường lao động ngay từ khi lập kế hoạch để cung cấp nguồn ngân sách hoặc hoạt động nguồn nhân

- Trung tâm có thể dựa trên số lượng lao động cần việc làm, vị trí việc làm ngành nghề cần tuyển dụng, dựa trên kết quả tư vấn, giới thiệu việc làm, dựa trên cung cầu lao động, Trung tâm có thể xây dựng kế hoạch tổ chức cung ứng lao động riêng (tổ chức sàn giao dịch việc làm riêng ) cho nhóm đối tượng lao động này, nhằm đem lại hiệu quả cho công tác kết nối cung cầu lao



động đồng thời cũng nắm bắt và kiểm soát được kết quả của công tác hỗ trợ giải quyết việc làm.

- Cần có quy định nghiêm ngặt đối với những doanh nghiệp tham gia tuyển dụng lao động, về các tiêu chí tuyển dụng lao động phải phù hợp với yêu cầu công việc, tránh trường hợp các doanh nghiệp chỉ tham gia tuyển dụng trên sàn mang tính hình thức, gọi là có vị trí tuyển dụng, nhưng thực chất đó chỉ là các công việc ảo, cần loại bỏ ngay các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng mang tính hình thức, cần sàng lọc các doanh nghiệp thực sự có nhu cầu tuyển dụng để cung cấp các thông tin tuyển dụng chính xác cho người lao động.

- Cần có các chế tài đối với doanh nghiệp không thực hiện đúng cam kết tuyển dụng như kế hoạch tuyển dụng lao động.

- Cần có những cuộc thăm dò ý kiến của các doanh nghiệp khi tham gia tuyển dụng lao động tài sản về chất lượng lao động trung tâm cung ứng, về cách thức tổ chức và năng lực tổ chức sàn việc làm, để từ đó có những biện pháp khắc phục và sửa đổi cho phù hợp với nhu cầu của các nhà tuyển dụng, cung cấp dịch vụ tốt nhất cho người lao động...

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác thị trường lao động, cần xây dựng kế hoạch cung ứng lao động có chất lượng đáp ứng nhu cầu về lao động của các doanh nghiệp, có như thế các doanh nghiệp mới có thể đặt niềm tin vào chất lượng thông tin thị trường lao động tại tỉnh .

- Nâng cao chất lượng các phiên giao dịch việc làm trên địa bàn tỉnh bằng cách đầu tư cơ sở vật chất cho các sàn giao dịch việc làm trên địa bàn của tỉnh, như văn phòng, máy móc, trang thiết bị phục vụ các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng, nâng cao đội ngũ làm công tác tư vấn giới thiệu việc làm từ đó có thể hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng trên sàn giao dịch việc làm như khâu sàng lọc các ứng viên phù hợp đáp ứng được yêu

cầu của doanh nghiệp về trình độ, tay nghề. Hỗ trợ kinh phí cho công tác tổ chức sàn giao dịch việc làm từ đó mới nâng cao chất lượng các sàn việc làm trên địa bàn tỉnh.

*3.4.2.4.Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.*

Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người lao động làm vững những chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước, của tỉnh về đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm, kết nối cung cầu lao động bằng các hình thức khác nhau, có thể trình chiếu trên bảng tin điện tử tại Trung tâm, phát tờ rơi, cách thức tiếp lao động qua các khâu hướng dẫn làm thủ tục, trước khi để vào đăng ký hưởng TCTN cần tư vấn củng như tuyên truyền cho lao động các quyền lợi của mình khi tham gia BHTN.

Hình thức tuyên truyền đa dạng phong phú. Đài phát thanh, phóng sự, bản tin. Nội dung của các chuyên mục tập trung vào chuyên trang tập trung vào tư vấn giới thiệu việc làm, học nghề, và việc làm công tác hướng nghiệp, dạy nghề, .....

- Trung tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật việc làm và hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động đối với doanh nghiệp, nhất là chú trọng tới việc tuyên truyền quyền và lợi ích của doanh nghiệp khi tham gia công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động theo Luật việc làm số 38/2014 của chính phủ.

Kết quả điều tra phỏng vấn đã nêu ra người lao động chỉ chú trọng tới mức hưởng TCTN mà không chú trọng tới việc tìm kiếm việc làm. Đây cũng là một khó khăn lớn để thay đổi được suy nghĩ của người lao động. Để hạn chế suy nghĩ này cần đẩy mạnh tuyên truyền các hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm, cần có các buổi tư vấn trực tiếp với người lao động, trước đây cách thức tư vấn cho 1 người lao động, giờ có thể sắp xếp thay đổi cách tư vấn cho

người lao động, tập hợp một nhóm đối tượng lao động có trình độ tay nghề, ngành nghề giống nhau để cùng tiến hành một lúc cho nhóm đối tượng này.

Với chức năng nhiệm vụ của mình, Trung tâm xây dựng kế hoạch liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng trên sàn việc làm, để có thể kết nối người lao động với người sử dụng lao động thông qua việc giới thiệu việc làm cho lao động. Trung tâm và doanh nghiệp cần phối kết hợp với nhau trong việc cung ứng lao động, trên cơ sở Trung tâm quản lý được các nhóm đối tượng lao động hưởng TCTN, chưa tìm kiếm được việc làm và có nhu cầu tìm việc làm, và cũng thông qua nhiệm vụ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN.

*3.4.2.5. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh*

- Bộ lao động thương binh và xã hội hằng năm cần tổ chức thường xuyên các đợt tập huấn bồi dưỡng kỹ năng tư vấn giới thiệu việc làm cho cán bộ làm công tác TVGTVL. Công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng cho cán bộ làm công tác TVGTVL cần phải được làm thường xuyên để trao dồi những kỹ năng mới cho cán bộ, cần tổ chức các lớp tập huấn, các buổi hội thảo để giúp cho cán bộ nâng cao trình độ nghiệp vụ cũng như tiếp thu các kiến thức mới.

- Đào tạo kỹ năng tư vấn giới thiệu việc làm cho cán bộ làm công tác giới thiệu việc làm. Xây dựng cơ chế đầu tư gắn với nhiệm vụ được giao và kết quả hoạt động của Trung tâm, nâng cao trình độ đội ngũ tư vấn viên, tăng khả năng giao dịch việc làm thành công.

- Xây dựng kế hoạch dài ngọ đối với cán bộ làm công tác TVGTVL phù hợp để có được đội ngũ cán bộ làm công tác TVGTVL đạt hiệu quả cao

- Phải có sự đổi mới tư duy, sự nhận thức mới của các cấp cơ quan quản lý lao động, và đặc biệt là Trung tâm giới thiệu việc là Quảng Ninh trong quá trình hỗ trợ GQVL cho lao động đang hưởng TCTN. Ngoài việc tập trung giải quyết trợ cấp thất nghiệp, cần phải coi trọng và cần đặt nhiệm vụ hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN lên hàng đầu, vì đây mới làm mục tiêu, mục đích chính của chính sách BHTN

*3.4.2.6. Đa dạng hóa các biện pháp hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN.*

Bên cạnh các giải pháp HTGQVL cho lao động đang hưởng TCTN theo chế độ của chính sách BHTN, để nâng cao hiệu quả trong công tác hỗ trợ GQVL cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, UBND tỉnh cần đa dạng hóa các giải pháp hỗ trợ giải quyết việc làm mới cho nhóm đối tượng này như:

- Nghiên cứu phối kết hợp giữa chính sách HTGQVL với chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, chương trình hỗ trợ lao động nông thôn chuyển đổi ngành nghề, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình hỗ trợ cho lao động, hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để tạo điều kiện cho người lao động có nhiều sự lựa chọn, tìm hiểu việc làm không nhất thiết cứ phải trở lại doanh nghiệp là việc mà còn rất nhiều hình thức khác tạo ra việc làm dựa trên sự hỗ trợ của các chính sách giải quyết việc làm của tỉnh.

+ Kết hợp chương trình mục tiêu quốc gia để: hỗ trợ vay vốn ưu đãi khuyến khích động viên lao động chuyển đổi ngành nghề tự tạo ra việc làm dựa trên các dự án phát triển kinh tế của tỉnh, như dự án phát triển xây dựng nông thôn mới, dự án phát triển kinh tế nông – lâm – ngư nghiệp của tỉnh, và mục tiêu phát triển kinh tế hướng tới phát triển các ngành mũi nhọn của tỉnh như du lịch, dịch vụ, kinh tế biển....

- Xây dựng chính sách hỗ trợ vốn cho đối tượng đang hưởng TCTN kết hợp với các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, tư vấn hướng nghiệp để tạo điều kiện, khuyến khích lao động tự tạo việc làm trên địa bàn mình sinh sống. Đối với lao động đang hưởng TCTN có rất nhiều nguyên nhân lao động bị thất nghiệp như thiếu việc làm, doanh nghiệp giải thể, sát nhập, không có khả năng giải quyết việc làm, người lao động bị mất việc, trong khi trình độ tay nghề hạn chế, việc hỗ trợ tìm việc làm như tư vấn, giới thiệu việc làm chưa chắc người lao động có cơ hội quay trở lại với thị trường lao động, chính vì thế ngoài biện pháp hỗ trợ trên cần tạo điều kiện mở rộng các biện pháp hỗ trợ cho lao động tìm được việc làm bằng nhiều hình thức khác nhau dựa trên cơ sở hỗ trợ về đào tạo nghề định hướng nghề nghiệp, tư vấn các mô hình kinh tế hộ gia đình đồng thời kết hợp với chương trình ưu đãi vốn vay cho lao động thì người lao động có thể tạo được việc làm cho bản thân ngay chính trên quê hương họ.

- UBND tỉnh cần có chính sách chỉ đạo sự phối kết hợp đồng bộ các sở ban ngành cùng tham gia hỗ trợ GQVL cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh như, hội liên hiệp phụ nữ, hội khuyến nông, đoàn thanh niên...

+ Đối với hội phụ nữ hỗ trợ và kết hợp đào tạo nghề cho lao động nữ, tư vấn cũng như giới thiệu các lớp học phù hợp với nữ giới ở mọi lứa tuổi, trình độ và tất cả các vùng trên địa bàn tỉnh, tham gia các lớp tập huấn về nghề nghiệp, việc làm ở cơ sở, địa phương....

+ Đối với hội khuyến nông giúp phối kết hợp tập huấn cũng như các chương trình sản xuất phát triển nông thôn, tư vấn các chương trình vay vốn, các ngành nghề sản xuất trên địa bàn sinh sống, định hướng phát triển kinh tế hộ gia đình.

+ Đoàn thanh niên giúp các đối tượng lao động trẻ đang trong độ tuổi đoàn (18- 30) thất nghiệp tư vấn hướng nghiệp, tổ chức giao lưu học tập các

tấm gương lao động điển hình, cũng như phát hiện các tài năng trẻ có hướng tư vấn bồi dưỡng nhân tài để giúp cho lao động thanh niên mất việc làm có nhiều kênh thông tin, nhiều sự hỗ trợ trong việc tìm kiếm việc làm....

Dựa trên nhu cầu, cũng như mong muốn tìm được việc làm, hay tự tạo việc làm, mà người lao động có thể lựa chọn các cách thức tìm kiếm việc làm, chính vì thế, mà cần có sự phối kết hợp linh hoạt trong hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm để đạt được hiệu quả cao nhất.

- UBND tỉnh cần có các hình thức khuyến khích đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn, doanh nghiệp nhà nước nên tham gia tuyển dụng lao động trên sàn việc làm lao động trên địa bàn của tỉnh, hoặc UBND tỉnh khi phê duyệt các dự án đầu tư như các khu công nghiệp, các dự án phát triển kinh tế vùng cần có chế tài đối với các doanh nghiệp khi tham gia hoạt động sản xuất tại các khu công nghiệp, các khu dự án, bắt buộc phải tham gia tuyển dụng tại sàn giao dịch việc làm, cần đưa ra chính sách bắt buộc đối với mỗi doanh nghiệp khi tham gia vào các khu vực này. Đây cũng là biện pháp nhằm đưa các doanh nghiệp lớn tham gia tuyển dụng tại sàn, tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động.

- Mở rộng công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN, kết hợp với chính sách hỗ trợ học nghề cho lao động thất nghiệp, cùng với hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng kết hợp 2 chính sách này vừa tạo điều kiện cho lao động học tiếng, cũng như học nghề, vừa giải quyết được việc làm cho nhóm đối tượng này thông qua việc kết hợp các chính sách đem lại lợi ích cho người lao động khi bị mất việc làm.

- Bộ lao động thương binh và xã hội cùng với UBND tỉnh cần đầu tư kinh phí để nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cấp hệ thống thông tin thị trường lao động, để các tin tức về thị trường lao động

được cập nhật mới nhất và nhanh nhất giúp cho lao động có cơ hội tìm kiếm việc làm nhanh nhất

- Ngoài chính sách trợ cấp thất nghiệp trong thời gian mất việc làm, cần có chính sách hỗ trợ vốn cho lao động đang hưởng TCTN để chuyển đổi nghề nghiệp, tự tạo việc làm phát triển các mô hình kinh tế cá nhân, hộ gia đình.(phối hợp chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn.... Và một số các chính sách hỗ trợ khác cho lao động).

*3.4.2.7. UBND tỉnh đẩy mạnh chính sách khuyến khích thu hút vốn đầu tư vào phát triển kinh tế của Tỉnh.*

Như chúng ta đã biết, muốn giải quyết được việc làm cho lao động thì cần phải tạo ra việc làm, từ đó mới tạo ra cơ hội cho họ tiếp xúc với việc làm.

Trong những năm gần đây, kinh tế cả nước nói chung và kinh tế của tỉnh Quảng Ninh nói riêng đang trong giai đoạn khủng hoảng và chậm phát triển. Các doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, giải thể doanh nghiệp. Lao động bị mất việc làm. Trong bối cảnh đó cơ hội tìm kiếm việc làm của người lao động gặp rất nhiều khó khăn. Để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ổn định và phát triển sản xuất cũng như mở rộng quy mô sản xuất. UBND tỉnh cần đưa ra các chính sách hỗ trợ vốn, khuyến khích đầu tư, mời gọi các nhà đầu tư vào mở rộng, cũng như khai thác các thế mạnh tiềm năng kinh tế của tỉnh, để tạo ra việc làm, thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển

Cần xây dựng chính sách thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực khai thác chế biến thủy hải sản, khai thác và chế biến nông - lâm nghiệp, khai thác dịch vụ du lịch. Đây là những ngành nghề cần một nguồn nhân lực rất lớn, đồng thời sẽ góp phần tạo ra việc làm cho các đối tượng lao động khác nhau, ở các vùng miền khác nhau trên địa bàn tỉnh.

- UBND tỉnh cần có các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để họ ổn định sản xuất, cùng với việc ổn định sản xuất, cần khuyến

khích các doanh nghiệp cùng tham gia hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh, bằng cách cùng tham gia đào tạo nghề, cùng tham gia giải quyết việc làm, khi doanh nghiệp có nhu cầu về nguồn nhân lực, các doanh nghiệp kết hợp với trung tâm tuyển dụng và đào tạo lao động đang thất nghiệp sau đó giải quyết việc làm cho họ ngay sau khi học nghề xong.

*3.4.2.8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động HTGQVL cho lao động hưởng TCTN*

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra và rà soát các cơ sở dạy nghề, cấp chứng chỉ nghề trên địa bàn tỉnh để đảm bảo quyền và lợi ích cho người lao động khi tham gia công tác hỗ trợ học nghề. Đảm bảo chất lượng đầu ra cho công tác đào tạo nghề, có như thế công tác dạy nghề cho người lao động mới hiệu quả, người lao động mới tin tưởng và tham gia học nghề nâng cao trình độ tay nghề và tìm kiếm được việc làm mới

- Cần tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động, phát hiện những hạn chế, những ách tắc để xử lý kịp thời, qua đó để các công tác hỗ trợ đi vào cuộc sống hiệu quả.



## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. KẾT LUẬN

Lao động bị thất nghiệp, có nghĩa là thu nhập của lao động bị cắt giảm ảnh hưởng đến đời sống người lao động và gia đình họ sẽ gặp khó khăn. Lao động thất nghiệp gia tăng sẽ làm trật tự xã hội không ổn định, hiện tượng bãi công, biểu tình đòi quyền làm việc, quyền sống gia tăng. Chính vì thế giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN là vấn đề rất quan trọng. Với các biện pháp hỗ trợ về tài chính về phi tài chính như cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm, dạy nghề miễn phí là những biện pháp thiết thực và hữu hiệu giúp cho người lao động có môi trường tìm kiếm việc làm, tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội quay trở lại với thị trường lao động.

Hỗ trợ GQVL cho người lao động quay trở lại TTLĐ cũng là yếu tố quan trọng trong việc chống lãng phí nguồn nhân công xã hội, đây là nhân tố cơ bản để phát triển kinh tế - xã hội. Do đó công tác hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN sẽ giúp cho người lao động được huy động vào hoạt động sản xuất kinh doanh của xã hội, tìm kiếm được việc làm, nhanh chóng ổn định cuộc sống và đảm bảo an sinh xã hội.

Để làm tốt vấn đề này đòi hỏi phải có nhiều phương pháp phù hợp cũng như nội dung của các phương pháp hỗ trợ phải linh hoạt, sáng tạo cùng với đó là sự phối kết hợp đồng bộ của các cấp các ngành từ Trung ương đến địa phương nhằm đưa các chính sách hỗ trợ, các phương pháp hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đi vào thực tiễn một cách có hiệu quả

Để góp phần vào việc hoàn thành mục tiêu giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN, đề tài **“Hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”** được lựa chọn và nghiên cứu làm luận văn tốt nghiệp cao học, hy vọng góp phần vào

giải quyết các nhu cầu tìm kiếm việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh có thể tìm được các biện pháp tiềm kiếm được việc làm trong thời gian đang hưởng TCTN. Đây là vấn đề có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, cơ bản, lâu dài, cả kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Nhận thức rõ điều đó, luận văn đã cố gắng bám sát chủ đề, đối tượng phạm vi nghiên cứu, hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra:

Hệ thống hóa, làm rõ cơ sở lý luận về việc làm, giải quyết việc làm nói chung, đối với lao động đang hưởng TCTN nói riêng.

Phân tích, đánh giá thực trạng hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động hưởng TCTN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

## **2. KHUYẾN NGHỊ**

*\* Đối với Bộ lao động Thương binh và xã hội*

+ Đối với Bộ lao động Thương binh và Xã hội, cần chỉ đạo quyết liệt các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thực hiện nội dung công tác HTGQVL quy định trong Luật việc làm và trong chính sách BHTN.

+ Các thông tư, văn bản hướng dẫn cần phải ban hành nhanh chóng và kịp thời để hoạt động HTGQVL không bị chậm trễ và gián đoạn.

+ Xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ công chức phục vụ trong công tác thực hiện chính sách BHTN nói chung công tác HTGQVL nói riêng. Bởi vì cho đến nay, khi chính sách BHTN đã đi vào hoạt động được 5 năm, nhưng kế hoạch tuyển dụng cán bộ, kế hoạch đào tạo cán bộ thực hiện công tác BHTN là chưa có. Để có được đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực thực hiện công tác này cần phải ổn định được đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác này, có như thế mới có đủ điều kiện để thực hiện các công tác HTGQVL đạt hiệu quả

*\* Đối với UBND tỉnh Quảng Ninh*

- UBND tỉnh cần xây dựng chính sách hỗ trợ kinh phí cụ thể theo quy định của Mục 2 điều 47 của Luật việc làm cùng với đó khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp, đây là biện pháp hỗ trợ hiệu quả nhất để giải quyết việc làm, UBND tỉnh cần đưa ra các chính ưu tiên về vốn, đối với các doanh nghiệp cam kết tham gia đào tạo, đào tạo lại cho lao động và sau khi đào tạo xong có thể giải quyết luôn việc làm cho đối tượng vừa tham gia học nghề tại doanh nghiệp.

- UBND tỉnh cần chỉ đạo trực tiếp các cơ quan ban ngành, tổ chức, đoàn thể cùng tiến hành thực hiện công tác HTGQVL. Có như thế, các cơ quan đoàn thể mới có cùng một nhiệm vụ để thực hiện giải quyết việc làm cho lao động, từ đó các biện pháp HTGQVL cho lao động hưởng TCTN mới có được hiệu quả.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Sách giáo trình

1. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. *Luật việc làm* (2013)
2. Cơ quan Hợp tác phát triển Đức GIZ và nhóm tác giả biên soạn TS. Nguyễn Thị Lan Hương 2. ThS. Đặng Kim Chung 3. ThS. Lưu Quang Tuấn 3. ThS. Nguyễn Bích Ngọc 5. CN. Đặng Hà Thu (Viện Khoa học Lao động và Xã hội) *Phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam đến năm 2020* (11/2013)
4. Nguyễn Xuân Khoát (2007), *Lao động, việc làm và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam*, NXB Đại học Huế
5. Đinh Thị Đặng, chủ biên (2004). *Một số vấn đề lao động, việc làm và đời sống người lao động ở Việt Nam hiện nay*. NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội
6. Nguyễn Tiệp (2009), *Giải pháp phát triển hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm, tạp chí Lao động và Xã hội*, (369), tháng 10/2009.
7. Trần Thị Thu, *Tạo việc làm cho lao động nữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
8. Trần Xuân Cầu (Chủ biên), Mai Quốc Chánh (2008), *Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực*, NXB ĐHKQTĐ, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Lan Hương, chủ biên (2002). *Thị trường lao động Việt Nam định hướng và phát triển*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội
10. Nguyễn Hữu Quỳnh, chủ biên (1998), *Đại Từ điển kinh tế thị trường*, Viện Nghiên Cứu và phát triển kiến thức Bách Khoa, Hà Nội.
11. Bùi Anh Tuấn (2011), *Tạo việc làm cho người lao động qua trực đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam*, NXB Thống kê, Hà Nội

### **Các văn bản hướng dẫn**

12. Nghị định số 127/2008/NĐ-CP của Chính phủ : *Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp*
13. Nghị định số 100/2012/NĐ-CP của Chính phủ: *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp*
14. Nghị định 28/2015/NĐ-CP *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp*
15. TTGTVL Quảng Ninh ( *Báo cáo tổng kết 5 năm hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm 2010- 2014*)
16. TTGTVL Quảng Ninh ( *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện chính sách BHTN 2010 -2014*)
17. Thủ tướng chính phủ QĐ 601/QĐ-TTg ngày 24/5 /2012 *phê duyệt đề án xây dựng hệ thống thông tin và dự báo nhu cầu nhân lực quốc gia*
18. Thủ tướng chính phủ QĐ 33/2006/QĐ-TTg ngày 7/2/2006 *phê duyệt đề án dạy nghề cho lao động đi làm việc ở nước ngoài đến năm 2015*
19. Nguyễn Thành Công (2009), *Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn thành phố Hà Nội*, tạp chí Lao động và Xã hội, (359), tháng 5/2009.
20. Phạm Ngọc Linh (2009), *Vấn đề giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay*, tạp chí Kinh tế và Phát triển, (144), tháng 6/2006.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **PHIẾU HỖ TRỢ TƯ VẤN, GIỚI THIỆU VIỆC LÀM**

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Ninh

Tên tôi là : ..... sinh ngày ..... / ..... / ...

Trình độ đào tạo .....

Ngành nghề đào tạo.....

Công việc đã làm trước khi mất việc làm.....

Hiện cư trú tại: .....

Số điện thoại liên lạc: .....

Tôi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số...../QĐ-LĐTĐ ngày ...../...../.....của Giám đốc Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh; thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp là ..... tháng(từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....)

Tôi có nguyện vọng được tư vấn, giới thiệu việc làm tại trung tâm DVVL Quảng Ninh trong thời gian tôi hưởng TCTN.Nguyện vọng công việc mới là:

+ Vị trí công việc:.....

+ Mức lương tối thiểu:.....

+ Địa điểm làm việc: .....

+ Khác : .....

Đề nghị quý Trung tâm xem xét, hỗ trợ công tác TVGTVL cho tôi, để tôi được tham gia các buổi TVGTVL tại trung tâm./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký ghi rõ họ tên*

**Phục lục 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC NGHỀ**

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Ninh

Tên tôi là:.....sinh ngày...../...../.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Số điện thoại để liên hệ:.....

Đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số...../QĐ-LĐTĐBXH  
 ngày ...../...../.....của Giám đốc Sở Lao động -Thương binh và Xã hội  
 tỉnh Quảng Ninh; thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp là ..... tháng (từ  
 ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....)

Tôi có nguyện vọng tham gia khóa đào tạo nghề .....  
 với thời gian.....tháng, tại ( tên cơ sở dạy nghề, địa chỉ).....  
 .....

Đề nghị quý Trung tâm xem xét, giải quyết chế độ hỗ trợ học nghề để tôi  
 được tham gia khóa đào tạo nghề nêu trên./.

*Quảng Ninh, ngày ..... tháng ..... năm .....*

**Người đề nghị**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆCLÀM QUẢNG NINH  
PHÒNG BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
-----o0o-----

### BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU HTGQVL CHO LAO ĐỘNG ĐANG HƯỞNG TCTN

Thứ tự	Nội dung	Số lượng	Địa điểm	Ghi chú
	<b>I. Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm</b>			
1	Lao động phổ thông			
2	Lao động có trình CĐ			
3	Lao động có trình độ ĐH			
4	Lao động có trình độ trung cấp, trung cấp nghề			
5	Khác			
	<b>II. Hỗ trợ đào tạo nghề</b>			
1	Nông nghiệp ( trồng trọt, chăn nuôi)			
2	Lâm nghiệp			
3	Ngư nghiệp( nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản)			



<b>4</b>	Dịch vụ ( nhà hàng, khách sạn, lễ tân, buồng bàn...			
<b>5</b>	Lái xe			
<b>6</b>	Cơ khí			
<b>7</b>	Khác			

**Người lập**

( ký, ghi rõ họ tên)

SỞ LAO ĐỘNG TBXH QUẢNG NINH  
 TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM  
 Số: /KH-DVVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----  
 Quảng ninh, ngày .... tháng ..... năm 20.....

## KẾ HOẠCH TỔ CHỨC SÀN GIAO DỊCH VIỆC LÀM NĂM .....

Thực hiện sự chỉ đạo của sở Lao động TBXH về việc nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm. Nhằm tăng cường và mở rộng hoạt động tư vấn, cung ứng giới thiệu lao động, góp phần thực hiện Nghị quyết của Tỉnh về công tác giải quyết việc làm hằng năm khoảng 3 vạn lao động trên địa bàn tỉnh, Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Ninh xây dựng kế hoạch tổ chức sàn giao dịch việc làm Quảng Ninh như sau:

### **I: Mục đích**

Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm, tăng cường và mở rộng hoạt động tư vaanns việc làm, cung ứng giới thiệu lao động cho thị trường lao động trên toàn tỉnh.

- Là nơi gặp gỡ định kỳ hàng tháng để người lao động, người sử dụng lao động, các cơ sở đào tạo nghề, tham gia giải quyết các nhu cầu về tuyển dụng , tuyển sinh, định hướng nghề, tìm việc làm.

- Tăng cường khả năng trao đổi thông tin, quảng bá hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị. Xúc tiến quan hệ lao động thông qua hệ thống truy cập điện tử, giúp cho quá trình tuyển dụng lao động, tuyển sinh học nghề được nhanh chóng và thuận tiện.

### **- II. đối tượng tham gia**

- Khối doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
- Khối trường đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh
- Người lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm

### **III: Công tác tuyên truyền:**

+ Phối hợp với Sở LĐTB&XH tỉnh, các phòng LĐTB&XH các huyện tuyên truyền công tác tổ chức sàn GDVL

+ Tại các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh : Gửi thư mời tham gia sàn việc làm

+ Tại các địa phương trên địa bàn tỉnh như huyện, Phường, xã. Gửi tờ rơi về công tác tuyên truyền hoạt động sàn giao dịch việc làm.

+ Trên đài phát thanh của Tỉnh, địa phương, đài truyền hình của tỉnh,

+ Phòng TVGTVL trực tiếp tư vấn và tuyên truyền cho người lao động khi đến đăng ký hưởng TCTN.

### **IV: Cơ sở vật chất phục vụ sàn giao dịch việc làm.**

Mặt bằng sử dụng: Tầng 1, tầng 2, tầng 3 tại các địa điểm của trung tâm:  
( Hạ Long, Móng Cái, Uông Bí)

Thiết bị máy móc. Tại cơ sở Hạ Long, bố trí 10 máy tính tra cứu cá nhân, kết nối internet. Tại Móng cái, 05 máy tính tra cứu cá nhân, tại Uông Bí 08 máy tính tra cứu cá nhân, bàn ghế, bút, máy chiếu, máy tra cứu, bảng điện tử...) phục vụ doanh nghiệp phỏng vấn.

Dự toán kinh phí: Khoảng..... triệu đồng, từ nguồn Ngân sách nhà nước theo quyết định của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu tài chính hằng năm.

### **V. Công tác tổ chức sàn GDVL.**

1. Tổng hợp nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp về:

+ Vị trí việc làm, Trình độ yêu cầu tuyển dụng, địa điểm làm việc, mức lương .....

2. Bố trí nhân lực thực hiện công tác tổ chức sàn GDVL

3. Tổ chức thực hiện Các phiên GDVL tổ chức tại Trung tâm

Trung tâm tổ chức định kỳ mỗi tháng 2 Phiên GDVL vào các ngày 10 và 25 hàng tháng

- Phiên GDVL ngày 10 tổ chức tại địa điểm 44 Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long.

- Phiên GDVL ngày 25 tổ chức tại 44 Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long. Số 2 Hữu Nghị, thành phố Móng Cái và tại Nhà văn hóa Trung tâm thành phố Uông Bí.

4. Các phiên GDVL online phối hợp với các trung tâm dịch vụ việc làm phía Bắc ( *theo đề nghị phối kết hợp của các tỉnh khu vực phía Bắc*)

**VI. Tổng kết, báo cáo, rút kinh nghiệm:**

Tổ chức họp rút kinh nghiệm hoạt động khai trương sàn GDVL

Báo cáo Sở lao động TBXH kết quả hoạt động và những vấn đề tồn tại, khó khăn vướng mắc.

***Nơi nhận :***

- Giám đốc sở
- Các phòng ban của tt
- Lưu văn phòng

**GIÁM ĐỐC**

( Ký, ghi rõ họ tên )

**Phụ lục 2****Mẫu B2**

**PHIẾU PHÒNG VẤN**  
**VỀ VIỆC HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO**  
**ĐỘNG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP**  
*(Dành cho lao động đã hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh QN)*

Tôi xin gửi lời chào tới các anh/ chị . Hiện tôi đang nghiên cứu đề tài *“Hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”*. Để thu thập được những thông tin thực tiễn cũng như các ý kiến tham gia đóng góp của các anh/ chị cho đề tài tôi đang nghiên cứu. Tôi kính mời anh/chị cùng tham gia vào cuộc điều tra khảo sát bằng cách đánh dấu vào những phương án phù hợp với ý kiến của anh/chị, hoặc nêu rõ quan điểm của anh/chị vào những dòng còn trống. Sự hợp tác của anh/chị sẽ góp phần quan trọng vào sự thành công cho đề tài tôi đang nghiên cứu.

Tôi xin cam đoan những thông tin này chỉ phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu, ngoài ra không nhằm một mục đích nào khác.

Rất mong nhận được sự ủng hộ và hợp tác của anh/chị/

Chân thành cảm ơn!

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN:**

**1. Họ và tên:**.....

**2. Tuổi:**.....**Giới tính:**.....

**3. Hộ khẩu thường trú:**.....

**4. Trình độ chuyên môn - kỹ thuật:**

*Lao động phổ thông:*

*Công nhân kỹ thuật, sơ cấp*

*Trung cấp chuyên nghiệp:*

*Cao đẳng*

*Đại học trở lên:*

## **II. NỘI DUNG PHỎNG VẤN:**

### **1. Lý do anh chị nghỉ việc?**

*Thu nhập quá thấp:                      Hết hạn hợp đồng*

*DN thiếu việc làm:                      Công việc chưa phù hợp với trình độ:*

*Lý do khác:.....:*

### **2. Hiện nay Anh/Chị đã tìm được việc làm mới chưa?**

Có

Chưa

*Nếu có tiếp tục trả lời câu dưới 3*

*Nếu chưa trả lời tiếp từ câu 7 đến câu 22*

### **3. Anh chị mất bao nhiêu lâu để tìm kiếm được việc làm mới?**

3 tháng

9 tháng

6 tháng

12 tháng trở lên

### **4. Công việc hiện nay của anh chị như thế nào**

Làm trong các doanh nghiệp, đơn vị ,tổ chức,

Làm kinh tế gia đình

Làm nghề tự do

Khác .....

### **5. Anh chị đã tìm kiếm được việc làm bằng hình thức nào?:**

Thông qua bạn bè

Thông qua người thân trong gia đình

Thông qua sàn giao dịch việc làm

Thông qua các phương tiện TT đại chúng

Bằng hình thức khác .....

**6. Địa điểm làm việc hiện nay?:**

Trong địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Các tỉnh thành trong cả nước

Làm tại nhà.

**7. Khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm của anh chị?**

Thiếu thông tin thị trường lao động.

Nhu cầu lao động thấp

Trình độ tay nghề thấp không đáp ứng được yêu cầu VL

Vị Trí tuyển dụng hạn chế

**8. Trong thời gian thất nghiệp anh / chị có tham gia tư vấn giới thiệu việc làm tại Trung tâm giới thiệu việc làm?**

Có , cụ thể mấy lần:.....

Không:

**9. Nội dung tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động đang hưởng TCTN của Trung tâm GTVL có giúp được gì cho anh chị trong việc tìm kiếm việc làm mới không?**

Có

Không . Lý do.....

**10. Anh/Chị có tham gia sàn giao dịch việc làm tại trung tâm giới thiệu việc làm Quảng Ninh ?**

Có , cụ thể mấy lần:.....

Không: . Lý do.....

**11. Các công việc tham gia trên sàn giao dịch chủ yếu là :**

Công việc cần lao động phổ thông

Công việc cần lao động có trình độ lành nghề

Công việc yêu cầu trình độ CĐ, ĐH...

**12. Các doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch chủ yếu là:**

DN nhà nước

DN tư nhân

DN vừa và nhỏ

DN nhỏ

DN quy mô lớn

**13. Anh/ Chị có tham gia tư vấn hỗ trợ đào tạo nghề tại trung tâm giới thiệu việc làm Quảng Ninh?**

*Có* , cụ thể sự hỗ trợ đó là gì?:.....

*Không:*

**14. Trong thời gian mất việc Anh/Chị có tham gia 1 khóa đào tạo ngành /nghề mới không**

*Có*

*Không:*

*Nếu có trả lời tiếp câu 15*

**15.Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề theo anh chị có hợp lý không?**

*Có*

*Không*

**16. Các lớp hỗ trợ đào tạo nghề ( ngành nghề đào tạo ) có phù hợp với yêu cầu việc làm của xã hội không?**

*Có*

*Không*

*Lý do:.....*





Mẫu B1

**PHIẾU PHỎNG VẤN**  
**VỀ VIỆC HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO**  
**ĐỘNG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP**

*(Dành cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh QN)*

Tôi xin gửi lời chào tới các anh/ chị. Hiện tôi đang nghiên cứu đề tài “*Hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”. Để thu thập được những thông tin thực tiễn cũng như các ý kiến tham gia đóng góp của các anh/ chị cho đề tài tôi đang nghiên cứu. Tôi kính mời anh/chị cùng tham gia vào cuộc điều tra khảo sát bằng cách đánh dấu vào những phương án phù hợp với ý kiến của anh/chị, hoặc nêu rõ quan điểm của anh/chị vào những dòng còn trống. Sự hợp tác của anh/chị sẽ góp phần quan trọng vào sự thành công cho đề tài tôi đang nghiên cứu.

Tôi xin cam đoan những thông tin này chỉ phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu, ngoài ra không nhằm một mục đích nào khác.

Rất mong nhận được sự ủng hộ và hợp tác của anh/chị !

Chân thành cảm ơn!

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN:**

**1. Họ và tên**.....

**2. Tuổi:**..... . **Giới tính:**.....nam /nữ.....

**3. Địa chỉ nơi ở**.....

**4. Trình độ chuyên môn - kỹ thuật**

*Lao động phổ thông :*

*Sơ cấp nghề*

*Trung cấp nghề:*

*Cao đẳng*

*Đại học*

## **II. NỘI DUNG PHỎNG VẤN:**

### **1. Công việc trước khi Anh /Chị bị mất việc làm.?**

.....

### **2. Lý do Anh /Chị bị mất việc làm?**

*Thu nhập quá thấp:                      Hết hạn hợp đồng*

*DN thiếu việc làm:                      Công việc chưa phù hợp với trình độ:*

*Lý do khác.....*

### **3. Hiện nay Anh/Chị có đang đi tìm kiếm việc làm mới không?**

**Có**

**Không**

*Nếu có, mời anh chị trả lời tiếp câu 4. Nếu không thì xin mời anh chị trả lời tiếp câu 17*

### **4. Công việc cần tìm kiếm hiện nay?**

*Đúng trình độ chuyên môn                      Đúng với công việc đã từng làm*

*Công việc hoàn toàn mới                      Khác*

### **5. Dự định tìm kiếm việc làm trong thời gian tới của anh /chị thông qua hình thức nào?**

*Thông qua bạn bè                      Thông qua người thân  
trong gia đình*

*Thông qua sàn giao dịch việc làm                      Thông qua các phương tiện  
TT đại chúng*

*Bằng hình thức khác*

**6. Địa điểm muốn tìm kiếm việc làm?:***Trong địa bàn tỉnh Quảng Ninh**Các tỉnh thành trong cả nước***7. Anh/ Chị có được tư vấn giới thiệu việc làm tại Trung Tâm giới thiệu việc làm ?***Có            cụ thể là nội dung gì?.....**Không:    tại sao?.....***8. Anh/Chị có biết đến sàn giao dịch việc làm tại Trung tâm giới thiệu việc làm ?***Có**Không:    Tại sao?.....***9. Trong thời gian hưởng TCTN anh chị có muốn được tư vấn giới thiệu việc làm không?***Có**Không:***10. Anh/ Chị có được tư vấn hỗ trợ đào tạo nghề tại Trung tâm giới thiệu việc làm ?***Có        , cụ thể sự hỗ trợ đó là gì?:.....**Không:    Tại sao?.....***11. Trong thời gian mất việc Anh/Chị có muốn tham gia 1 khóa đào tạo ngành /nghề mới không***Có**Không:**Nếu có mời anh chị trả lời tiếp câu 11, nếu không thì trả lời tiếp từ câu*

**12. Loại cấp trình độ Anh/Chị dự định tham gia đào tạo?***Học nghề ngắn hạn**Công nhân kỹ thuật**Sơ cấp**Trung cấp**Cao đẳng**Đại học trở lên***13. Hình thức đào tạo nào sau đây phù hợp đối với Anh /Chị ?***Đào tạo nghề có thời hạn dưới 6 tháng:**Đào tạo nghề có thời hạn từ 6 – 12 tháng**Đào tạo nghề truyền thống tại địa phương:**Khác cụ thể là:.....***14. Kinh Phí hỗ trợ đào tạo nghề cho anh chị có hợp lý không?***Có**Không**Lý do.....***15. Thời gian hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động đang hưởng TCTN có hợp lý không?***Có**Không**Lý do.....***16. Anh/Chị có gặp khó khăn gì trong việc tham gia hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề ?***Có**Không**Nếu có, là khó khăn gì? (Chọn phương án khó khăn nhất với anh/chị)**Thiếu tiền trang trải cho đào tạo, học nghề:**Không có nghề phù hợp với nhu cầu đào tạo của bản thân:**Trường, lớp đào tạo quá xa:**Các khó khăn khác, cụ thể là: .....*

